

BÁO CÁO TÓM TẮT

Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch

I. Căn cứ pháp lý

- Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013; Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017; Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

- Căn cứ Thông tư 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021; Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021; Thông tư 11/2021/TT-BTNMT ngày 06/8/2021; Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018; Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/02/2017 và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

- Căn cứ Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

- Căn cứ Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/03/2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022;

- Căn cứ Quyết định số 1686/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Nam thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Căn cứ Văn bản số 1789/STN&MT-QH ngày 24/7/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam về việc lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện và tổ chức lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện;

- Căn cứ Văn bản số 09/STN&MT-QH ngày 02/01/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam về việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện;

- Căn cứ Văn bản số 26/UBND-TN&MT ngày 05/01/2024 của UBND huyện về việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện;

- Căn cứ Văn bản số 454/UBND-TN&MT ngày 04/4/2024 của UBND huyện Thanh Liêm về việc lập điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 cấp huyện.

II. Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT ĐẾN NĂM 2030

ĐVT: ha

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023	Diện tích cấp trên phân bổ	Nhu cầu sử dụng đất	So sánh giữa diện tích phân bổ và nhu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)
I	TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN		16.491,81	16.491,81	16.491,81	0,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	8.740,54	7.137,89	7.425,86	287,97
	<i>Trong đó:</i>					
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.191,75	5.352,00	5.310,21	-41,79
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	<i>6.009,18</i>	<i>5.352,00</i>	<i>5.310,21</i>	<i>-41,79</i>
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	602,81	0,00	482,19	482,19
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	251,84	135,74	234,66	98,92
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	486,41	217,00	313,42	96,42
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	0,00	143,60	138,86	-4,74
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	534,64	323,00	312,46	-10,54
	<i>Trong đó: Đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên</i>	<i>RSN</i>	<i>310,34</i>	<i>200,00</i>	<i>134,11</i>	<i>-65,89</i>
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	594,56	0,00	559,38	559,38
1.8	Đất làm muối	LMU	0,00	0,00	0,00	0,00
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH	78,54	0,00	74,69	74,69
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.195,05	8.081,97	8.188,82	106,85
	<i>Trong đó:</i>					
2.1	Đất quốc phòng	CQP	100,80	290,86	290,59	-0,27
2.2	Đất an ninh	CAN	2,56	11,47	15,30	3,83
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	85,37	383,23	394,60	11,37
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	19,86	161,50	89,86	-71,64
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	2,57	32,55	47,61	15,06
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	251,06	248,90	257,82	8,92
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1.245,81	1.770,00	1.722,72	-47,28
2.8	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	324,82	0,00	405,67	405,67
2.9	Đất phát triển hạ tầng	DHT	2.560,16	3.005,42	3.169,50	164,08
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>1.661,64</i>	<i>1.799,75</i>	<i>1.900,98</i>	<i>101,23</i>
	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>557,47</i>	<i>440,00</i>	<i>556,19</i>	<i>116,19</i>

Thứ tự	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng năm 2023	Diện tích cấp trên phân bổ	Nhu cầu sử dụng đất	So sánh giữa diện tích phân bổ và nhu cầu
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(6)-(5)
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	13,85	25,16	15,68	-9,48
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	5,40	15,33	15,35	0,02
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	52,25	90,00	77,29	-12,71
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	15,51	328,56	279,59	-48,97
	Đất công trình năng lượng	DNL	13,91	20,28	20,60	0,32
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,05	2,05	1,09	-0,96
	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG				
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,00	2,94	16,94	14,00
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	33,55	43,40	39,17	-4,23
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	32,48	41,99	48,74	6,75
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	163,65	185,46	187,07	1,61
	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH				
	Đất xây dựng cơ sở dịch vụ xã hội	DXH	3,08		3,08	3,08
	Đất chợ	DCH	6,32		7,74	7,74
2,10	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
2,11	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				
2,12	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	9,55		51,72	51,72
2,13	Đất ở tại nông thôn	ONT	713,49	834,62	799,64	-34,98
2,14	Đất ở tại đô thị	ODT	293,39	406,88	376,07	-30,81
2,15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	15,30	19,09	18,10	-0,99
2,16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS		3,30	0,74	-2,56
2,17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG				
2,18	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	19,99		20,47	20,47
2,19	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	393,94		378,98	378,98
2,20	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	139,71		116,28	116,28
2,21	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	16,68		33,15	33,15
3	Đất chưa sử dụng	CSD	1.556,23	1.271,95	877,14	-394,81

Tổng số công trình, dự án trong Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030 huyện Thanh Liêm là **411** công trình với tổng diện tích **2.987,56** ha. Cụ thể như sau:

1. Đất nông nghiệp

Năm 2023, diện tích đất nông nghiệp: 8.740,54 ha; Trong Điều chỉnh quy hoạch giảm 1.453,54 ha; Đến năm 2030 dự kiến là 7.425,86 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 287,97 ha. Trong đó:

1.1. Đất trồng lúa

Năm 2023, diện tích đất trồng lúa: 6.191,75 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 881,53 ha; Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất trồng lúa là 5.310,21 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 41,79 ha.

1.2. Đất trồng cây hàng năm

Năm 2023, diện tích đất trồng cây hàng năm: 602,81 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 120,62 ha; Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất trồng cây hàng năm là 482,19 ha.

1.3. Đất trồng cây lâu năm

Năm 2023, diện tích đất trồng cây lâu năm: 251,84 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 17,18 ha; Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất trồng cây lâu năm là 234,66ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 98,92 ha.

1.4. Đất rừng phòng hộ

Năm 2023, diện tích đất rừng phòng hộ 486,41 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 172,99 ha; Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất rừng phòng hộ là 313,42 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 96,42 ha.

1.5. Đất rừng đặc dụng

Trong kỳ điều chỉnh đất rừng đặc dụng tăng 138,86 ha do đất chưa sử dụng chuyển sang; Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất rừng đặc dụng là 138,86 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 4,74 ha. Bao gồm các công trình dự án sau:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch đất rừng đặc dụng	Thanh Thủy	21,81
2	Quy hoạch đất rừng đặc dụng	Thanh Thủy	12,09
3	Quy hoạch đất rừng đặc dụng	Thanh Thủy	6,98
4	Quy hoạch đất rừng đặc dụng	Thanh Thủy	4,04
5	Quy hoạch đất rừng đặc dụng	Thanh Thủy, Thanh Tân	64,89

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
6	Quy hoạch đất rừng đặc dụng	Thanh Tân, Thanh Nghị	29,05

1.6. Đất rừng sản xuất

Năm 2023, diện tích đất rừng sản xuất có 534,64 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 222,18 ha; Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất rừng sản xuất là 312,46 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 10,54 ha.

Trong đó, chỉ tiêu đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên dự kiến là 134,11 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 65,89 ha.

1.7. Đất nuôi trồng thủy sản

Năm 2023, diện tích đất nuôi trồng thủy sản 594,56 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 35,18 ha; Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất nuôi trồng thủy sản là 559,38 ha.

1.8. Đất nông nghiệp khác

Năm 2023, diện tích đất nông nghiệp khác 78,54 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 3,85 ha. Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất nông nghiệp khác là 74,69 ha.

2. Đất phi nông nghiệp

Năm 2023, diện tích đất phi nông nghiệp 6.195,05 ha; Trong kỳ điều chỉnh tăng 1.993,77 ha (Đất nông nghiệp chuyển sang 1.453,54 ha; Đất chưa sử dụng chuyển sang 540,23 ha);

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất phi nông nghiệp dự kiến là 8.188,82 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 106,85 ha. Trong đó:

2.1. Đất quốc phòng

Năm 2023, diện tích đất quốc phòng 100,80 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 0,40 ha. Đồng thời tăng 190,19 ha. Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất quốc phòng là 290,59 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 3,22 ha. Bao gồm 21 dự án với tổng diện tích 191,19 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	QH Đường hầm trong CCCHĐ	Thanh Tân, Thanh Thủy	3,00
2	QH Hầm chỉ huy dBB3	Thanh Hà	1,20
3	QH Cộng sự đầu pháo 85mm	Liên Phong	0,30
4	QH Cộng sự đầu pháo 85mm	Liên Cần	0,50
5	QH Xây dựng căn cứ hậu phương tỉnh và căn cứ hậu phương huyện Thanh Liêm	Thanh Nghị	6,47
6	Công trình đất quốc phòng	Thanh Nghị	15,70
7	Quân đoàn 1	Tân Thanh, Liêm Sơn	39,43

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
8	Quân đoàn 1	Thanh Hương, Thanh Tâm, Liêm Sơn	48,24
9	Quân đoàn 1	Thanh Tâm, Liêm Sơn	56,96
10	Quy hoạch đất quốc phòng	Thanh Thủy	16,32
11	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Thủy	Thanh Thủy	0,20
12	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Liêm Cần	Liêm Cần	0,20
13	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Hà	Thanh Hà	0,19
14	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Tâm	Thanh Tâm	0,23
15	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Nguyên	Thanh Nguyên	0,20
16	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Liêm Thuận	Liêm Thuận	0,20
17	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Liêm Sơn	Liêm Sơn	0,15
18	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Nghị	Thanh Nghị	0,20
19	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Phong	Thanh Phong	0,20
20	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Tân	Thanh Tân	0,15
21	Quy hoạch trụ sở Ban chỉ huy quân sự xã Thanh Hương	Thanh Hương	0,15

2.2. Đất công an

Năm 2023, diện tích Đất an ninh 2,56 ha; Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 12,74 ha. Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất công an là 15,30 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 3,83 ha. Bao gồm 17 dự án với tổng diện tích 12,74 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch Đội PCCC khu vực 3	Thị trấn Tân Thanh	0,58
2	Quy hoạch Trạm CS giao thông đường thủy sông Đáy	Thanh Hải	0,10
3	QH Trụ sở công an thị trấn Kiện Khê	Thị trấn Kiện Khê	0,16
4	QH Trụ sở công an xã Thanh Tâm	Thanh Tâm	0,14
5	QH Trụ sở công an xã Liêm Thuận	Liêm Thuận	0,15
6	QH Trụ sở Công an xã Thanh Tân	Thanh Tân	0,15
7	QH Trụ sở Công an xã Thanh Phong	Thanh Phong	0,16
8	QH Trụ sở công an xã Thanh Hải	Thanh Hải	0,15
9	QH Trụ sở công an xã Liêm Phong	Liêm Phong	0,15

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
10	QH Trụ sở công an xã Thanh Hương	Thanh Hương	0,15
11	QH Trụ sở công an xã Liêm Sơn	Liêm Sơn	0,15
12	QH Trụ sở công an xã Thanh Nghị	Thanh Nghị	0,15
13	QH Trụ sở công an xã Thanh Hà	Thanh Hà	0,10
14	Quy hoạch Trụ sở công an xã Thanh Nguyên	Thanh Nguyên	0,15
15	QH Trụ sở công an xã Thanh Thủy	Thanh Thủy	0,15
16	QH Trụ sở công an xã Liêm Túc	Liêm Túc	0,16
17	Tiểu đoàn 112	Liêm Phong	10,00

2.3. Đất khu công nghiệp

Năm 2023, diện tích Đất khu công nghiệp: 85,37 ha; Trong kỳ điều chỉnh quy hoạch tăng 309,23 ha. Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất khu công nghiệp là 394,60 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 11,37 ha. Bao gồm 2 công trình dự án với tổng diện tích 309,23 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	QH khu công nghiệp Thanh Liêm	Thanh Phong, Thanh Hà, TT Kiện Khê	9,23
2	Quy hoạch Khu công nghiệp Thanh Bình II	Thanh Tâm, Thanh Nguyên, Thanh Hải	300,00

2.4. Đất cụm công nghiệp

Năm 2023, diện tích Đất cụm công nghiệp 19,86 ha; Trong kỳ điều chỉnh tăng 70,00 ha. Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất cụm công nghiệp là 89,86 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 71,64 ha. Bao gồm dự án Cụm công nghiệp Thanh Liêm I tại xã Thanh Tâm, Thanh Hương, Thanh Nguyên với diện tích 70 ha.

2.5. Đất thương mại dịch vụ

Năm 2023, diện tích Đất thương mại, dịch vụ: 2,57 ha; Trong kỳ điều chỉnh tăng 45,04 ha. Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất thương mại dịch vụ là 47,61 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 15,06 ha. Bao gồm 13 công trình dự án với tổng diện tích 39,54 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch khu dịch vụ du lịch, sinh thái Nghi dưỡng	Liêm Sơn	20,00
2	DA xây dựng khu thương mại và SX tổng hợp Thanh Hà	Thanh Hà	3,69
3	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án: Xây dựng kho lương thực tại điểm kho Tân	Thanh Hương	0,13

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
4	Khu Thương mại dịch vụ SES 68	Thanh Hà	0,44
5	Quy hoạch Ngân hàng NN Phố Cà	Thanh Tâm	0,20
6	Khu thương mại xuất nhập khẩu chè Hà Nam	Liên Phong	1,37
7	Khu thương mại dịch vụ Windham (Lô LP2-NO02)	Liên Phong	3,25
8	Khu thương mại dịch vụ Windham (Lô LP1-HH4)	Liên Phong	2,69
9	Khu TMDV, sơ chế đóng gói kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao	Liên Phong	2,21
10	Đấu giá QSD đất để thực hiện dự án: Xây dựng trung tâm thương mại	Thị trấn Tân Thanh	0,36
11	Khu kinh doanh VLXD Hải Yến	Thị trấn Tân Thanh	0,39
12	Xây dựng gara bảo dưỡng, sửa chữa và bãi đỗ xe	Thanh Thủy	1,02
13	Khu kỹ thuật dịch vụ thương mại, ô tô, máy xây dựng - thị trấn Kiện Khê	Thị trấn Kiện Khê	3,79

2.6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp

Năm 2023, diện tích Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp: 251,06 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 12,54 ha; Đồng thời tăng 19,30 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp là 257,82 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 8,92 ha. Bao gồm 4 công trình dự án với tổng diện tích 22,04 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất túi xách xuất khẩu dùng trong siêu thị tại thị trấn Kiện Khê, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm	Thị trấn Kiện Khê	9,50
2	Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất đá thạch anh nhân tạo cao cấp tại thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm	Thị trấn Kiện Khê	9,80
3	Xưởng cơ khí tại xã Thanh Tân	Thanh Tân	0,71
4	Đầu tư xây dựng trung tâm cơ khí tại TT Kiện Khê	TT Kiện Khê	2,03

2.7. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản

Năm 2023, diện tích Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản: 1.245,81 ha;

Trong kỳ điều chỉnh giảm 10,80 ha; Đồng thời tăng 487,71 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản là 1.722,72 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 47,28 ha. Bao gồm 23 công trình dự án với tổng diện tích 951,32 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Cấp phép mỏ CTCP đá vôi Hà Nam tại Thung Dục	Thanh Tân	12,10
2	Mỏ đá làm VLXD của công ty Tân Thanh	Thanh Thủy, Thanh Tân	10,80
3	Vùng nguyên liệu mỏ đá vôi Đolomit (Công ty TNHH Thành Thắng)	Thanh Thủy	22,16
4	Vùng nguyên liệu mỏ đá vôi Đolomit (Công ty TNHH Thành Thắng)	Thanh Thủy	30,91
5	Vùng nguyên liệu đá vôi sản xuất xi măng T12, T14, T17, T18 (Công ty CP XM Thành Thắng Group)	Thanh Thủy	151,30
6	Vùng nguyên liệu đá vôi sản xuất xi măng T21, T22(Công ty CP XM Thành Thắng Group)	Thanh Thủy, Thanh Tân	61,33
7	Vùng nguyên liệu đá vôi sản xuất xi măng (Công ty CP XM Thành Thắng Group)	Thanh Nghị	46,60
8	Mỏ khai thác đá vôi của Cty CP XM Xuân Thành	Thanh Nghị	71,08
9	Mỏ đá vôi thuộc khu vực (T23,T24,T25,T28,T34,T35,T36)	Thanh Tân, Thanh Thủy, Thanh Nghị	274,50
10	Mỏ đá vôi thuộc khu vực (T25,T35,T36)	Thanh Nghị	64,35
11	Quy hoạch mỏ sét	Thanh Hải	16,59
12	Quy hoạch mỏ sét	Thanh Hải	8,12
13	Mỏ sét T51,52 khu vực Núi Nghè	TT Tân Thanh	20,17
14	DA khai thác sét làm nguyên liệu SXXM tại khu vực khe non	TT Tân Thanh, Thanh Hương, Liêm Sơn, Thanh Tâm	74,50
15	Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá sét Khe Non	Liêm Sơn	10,89
16	Mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng Công ty Thông Đạt	TT Kiện Khê	8,48
17	MR mỏ núi Đầu Bò CTCP đá vôi Hà Nam Thanh Thủy	Thanh Thủy	5,00
18	Khu mở rộng mỏ T12, T14, T17, T18	Thanh Thủy	1,44

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
19	Khu mỏ T45 núi Bo Nang	Thanh Hải	11,20
20	Mỏ đá vôi Công ty CP SX vôi công nghiệp 218	Thanh Thủy	17,83
21	Mỏ đá vôi Công ty CP vôi công nghiệp Việt Nam 219	Thanh Thủy	19,02
22	Mở rộng Mỏ khai thác đá vôi làm VLXD thông thường - Thủy Hải Long	Thanh Thủy	1,85
23	Mỏ Khai thác KS làm VLXD thông thường Cty Thanh Tâm	Thanh Hải	2,49
		Thanh Nghị	8,61

2.8. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm

Năm 2023, diện tích Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm: 324,82ha;

Trong kỳ điều chỉnh giảm 0,85 ha. Đồng thời tăng 81,70 ha;

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm là 405,67 ha. Bao gồm 31 công trình dự án với tổng diện tích 127,58 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch đất Sản xuất Vật liệu xây dựng	Thanh Thủy	3,00
2	Quy hoạch đất Sản xuất Vật liệu xây dựng	Thanh Thủy	1,57
3	Quy hoạch đất Sản xuất Vật liệu xây dựng	Thị trấn Kiện Khê	2,50
4	Xây dựng bãi chế biến VLXD	Thanh Tân	3,10
5	Cty CPNLKS CB bột đá Thanh Tân	Thanh Tân	2,50
6	Bãi chứa Vật liệu xây dựng của hộ ông Lê Anh Thiệp	Thanh Tân	0,29
7	Khu VP và bãi CB VLXD Thông thường (Cty Bảo Tiến)	Thanh Tân	1,00
8	Bãi chế biến VLXD của Cty CP Nam Kinh	Thanh Tân	2,64
9	Xây dựng xưởng nghiền bột đá và sản xuất gạch bê tông của hộ ông Nguyễn Đăng Khoa	Thanh Thủy	0,61
10	Mỏ đá VLXD CT Trang Huy	Thanh Hải, Thanh Nghị	18,80
11	Khu chế biến đá làm vật liệu xây dựng thông thường, văn phòng và đường dùng chung của Cty Trang Huy	Thanh Nghị	3,60
12	Khu vực phụ trợ và nghiền sàng đá (Công ty CP khai thác CB Khoáng sản Thông Đạt)	Thị trấn Kiện Khê	16,95

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
13	Khu vực SX cát nhân tạo (Công ty CP khai thác CB Khoáng sản Thông Đạt)	Thị trấn Kiện Khê	1,32
14	Nhà máy sản xuất sơn - bột bả Mạnh Minh	Thị trấn Kiện Khê	2,96
15	Công ty Phú Tài CB bột đá CNN Kiện Khê	Thị trấn Kiện Khê	0,40
16	Công ty Mạnh Linh CB bột đá CNN Kiện Khê	Thị trấn Kiện Khê	0,50
17	Công ty Mạnh Cường CB bột đá CNN Kiện Khê	Thị trấn Kiện Khê	0,80
18	Công ty Văn Hoa CB bột đá CNN Kiện Khê	Thị trấn Kiện Khê	0,40
19	Công ty Long Quy CB bột đá CNN Kiện Khê	Thị trấn Kiện Khê	0,80
20	Khu SXVL XD và bê tông XM - Cty TNHH Thượng Hải	Thị trấn Kiện Khê	13,90
21	Bãi chứa đá thành phẩm tại thị trấn Kiện Khê (Công ty CP khoáng sản Tân Thủy)	Thị trấn Kiện Khê	2,14
22	Mở rộng nhà máy vôi Công nghiệp của Công ty TNHH 26868	Thị trấn Kiện Khê	2,00
23	Xưởng sản xuất bột đá (Cty khoáng sản Thành Lợi) - VT1	Thanh Thủy	0,66
24	Xưởng sản xuất bột đá (Cty khoáng sản Thành Lợi) - VT2	Thanh Thủy	0,34
25	Nhà máy sản xuất bột đá 01 Hải Lý	Thanh Thủy	0,75
26	Xây dựng văn phòng, bãi CB CT Tân Thanh	Thanh Thủy	0,84
27	Khu VP, khu CB đá làm VLXD thông thường công ty Thanh Tâm	Thanh Hải	2,45
28	Khu chế biến VLXD	Thanh Hải	5,24
29	Nhà máy SX vôi công nghiệp Xuân Thành	Thanh Nghị	23,54
30	Đầu tư xây dựng dây số 4 và số 5 Nhà máy Xi măng Thành Thắng	Thanh Nghị	9,53
31	Khu CB VLXD của Cty CP Sơn Hải	Thị trấn Kiện Khê	2,45

2.9. Đất phát triển hạ tầng

Năm 2023, diện tích Đất phát triển hạ tầng: 2.560,16 ha; Trong năm kế hoạch giảm 95,18 ha. Đồng thời tăng 704,52 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu Đất phát triển hạ tầng là 3.169,50 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ là 164,08 ha. Cụ thể:

*** Đất giao thông:**

Năm 2023, diện tích Đất giao thông: 1.661,64 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 79,75 ha. Đồng thời tăng 319,09 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất giao thông là 1.900,98 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ là 101,23 ha. Bao gồm 28 công trình dự án với tổng diện tích 210,55 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Dự án ĐTXD tuyến đường trục vành đai kinh tế T4 (đoạn từ QL21 đến đường ĐT.499B), huyện Thanh Liêm	Thanh Hà, Thị trấn Tân Thanh	0,70
2	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục vành đai kinh tế T4 (đoạn từ ĐT.499B đến ĐT.495B), huyện Thanh Liêm	Thị trấn Tân Thanh, Thanh Hương, Thanh Tâm	35,20
3	Dự án đầu tư Đường kết nối từ đường ĐT.495B vào Khu công nghiệp Thanh Bình II (quy mô 54,0m; dài 2,15km)	Thanh Tâm, Thanh Nguyên	11,61
4	Dự án đầu tư Tuyến đường kết nối từ QL1 và khu công nghiệp Thanh Bình II (dài 180m, rộng 36,0m)	Thanh Hải	0,65
5	Dự án đầu tư Tuyến đường T4 đoạn kết nối từ QL21 đến đường 68m của Phủ Lý (đoạn địa bàn thành Thanh Liêm dài 1,3km; rộng 68m)	Thanh Hà	8,84
6	Dự án ĐTXD tuyến đường Đ.N02 (đoạn kết nối đường T4 với đường ĐT.495), huyện Thanh Liêm	TT Tân Thanh	5,10
7	Dự án đầu tư tuyến đường ĐN.09 (đoạn từ ĐH.06 đến ĐD.05), huyện Thanh Liêm	TT Tân Thanh	1,41
8	Dự án ĐTXD tuyến đường Đ.N11 (đoạn kết nối đường ĐH.06 với đường Đ.D05), huyện Thanh Liêm	TT Tân Thanh	1,16
9	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.06 (đoạn từ đường T1 đến đường ĐH.10) huyện Thanh Liêm	TT Tân Thanh	4,09

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
10	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.07 (đoạn từ Khu nhà ở đô thị tại Thị trấn Tân Thanh đến Khu đầu giá xã Thanh Phong, xã Thanh Hà), huyện Thanh Liêm	TT Tân Thanh, Thanh Hà	1,72
11	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường ĐT.495B đến đường ĐH.05 (theo quy hoạch vùng huyện), huyện Thanh Liêm	Liêm Sơn	3,60
12	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục chính thuộc quy hoạch đơn vị ở số 3, số 5 Phố Cà	Thanh Nguyên	2,00
13	Đầu tư các tuyến các tuyến đường cấp khu vực; cấp đô thị theo quy hoạch chung đô thị Phố Cà	Thanh Tâm, Thanh Nguyên	6,00
14	Dự án đầu tư xây dựng trục dọc phía Đông đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình	Liêm Thuận, Liêm Túc	8,60
15	Đầu tư xây dựng tuyến đường vành đai kinh tế T1 (nối QL1A với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình tại Chằm)	TT Tân Thanh	0,72
16	Đường lên mỏ lộ thiên khai thác đá vôi làm nguyên liệu xi măng - Cty VISSAI	Thanh Tân	1,98
17	ĐT XD tuyến đường Đ.N07; tuyến đường Đ.D09 và hoàn trả một phần kênh tiêu KT-8 tại Khu trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm	TT Tân Thanh	1,93
18	Dự án tuyến đường dùng chung của Công ty cổ phần XM Thành Thắng Group tại huyện Thanh Liêm	Thanh Nghị, Thanh Thủy, Thanh Tân	24,99
19	Công trình, hạng mục tuyến băng tải	Thanh Nghị	7,38
20	Dự án ĐT XD Kho bãi cảng đường sông dùng chung trên sông Đáy xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm	Thanh Tân	2,04
21	Cảng thủy nội địa trên sông Đáy	Thanh Nghị	3,28
22	Cảng dùng chung công ty Nam Sơn	Thanh Tân	2,40

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
23	Mở rộng cảng thủy nội địa Thành Thắng phía Đông Sông Đáy	Thanh Hải, Thanh Nghị	30,00
24	Quy hoạch bãi đỗ xe	Liên Sơn	4,16
25	Tuyến đường chuyên dùng sang Hòa Bình - Thành Thắng	Thanh Thủy	5,06
26	Dự án tuyến đường sắt đôi tốc độ cao	Liên Cần, Liên Thuận	27,99
27	Dự án xây dựng đường gom dọc tuyến đường sắt Hà Nội - TP HCM	Liên Phong, Liên Cần	2,43
28	Quy hoạch tuyến đường ĐH10 đoạn nối từ QL1A đến đường ĐH06	Thanh Hương, Thanh Phong, TT Tân Thanh	5,50

*** Đất thủy lợi:**

Năm 2023, diện tích Đất thủy lợi: 557,47 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 33,90 ha. Đồng thời tăng 32,61 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất thủy lợi là 556,19 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ là 116,19 ha. Bao gồm 13 công trình dự án với tổng diện tích 83,97 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Dự án ĐTXD kiên cố hóa kênh TB2 (đoạn từ trường MN Kiện Khê đến QL 21 và kênh TB6, huyện Thanh Liêm	TT Kiện Khê	4,75
2	Dự án ĐTXD kiên cố hóa kênh tiêu TB10 và TB10-6, huyện Thanh Liêm	Thanh Phong, Thanh Tân, Thanh Hương	11,25
3	Dự án ĐTXD kiên cố hóa kênh tiêu BH10 thuộc địa phận huyện Thanh Liêm	Liên Phong, Liên Cần	7,60
4	Quy hoạch mương tưới 1	Thị trấn Tân Thanh	0,21
5	Dự án KCH kênh tiêu TN (đoạn từ đường 495B đến UBND xã Thanh Hải, huyện Thanh Liêm	Thanh Nghị, Thanh Hải	11,75
6	Dự án KCH kênh tiêu TN (đoạn từ cống Tân đến đường ĐT.495B, huyện Thanh Liêm	Thanh Hương, Thanh Nghị	5,75
7	Dự án KCH kênh tiêu TB, huyện Thanh Liêm	Thanh Phong, Thanh Hương	15,00
8	Công trình cấp nước	Liên Cần	1,84
9	Hệ thống trạm bơm Kinh Thanh II, Kênh chính 11,45 km và tuyến kênh cấp I, II	Thanh Tâm, Liên Sơn, Liên Túc	14,11

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
10	Xử lý khẩn cấp sạt lở và tu bổ khẩn cấp tuyến đê tả đáy từ Km 88 đến Km 137+516 tỉnh Hà Nam	Thanh Hải, Thanh Nghị, Thanh Tân	11,15
11	Trạm bơm Long Thành	Thị trấn Kiện Khê	0,05
12	Dự án nâng cấp tuyến đê Tả Đáy đoạn từ K117+810 đến K129+000 tỉnh Hà Nam	Thanh Thủy	0,04
13	Dự án thành phần số 12: Nâng cấp tuyến đê tả Đáy đoạn từ K117+810 đến K129+000, tỉnh Hà Nam, thuộc Dự án tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021 -2025	Thanh Tân	0,47

*** Đất xây dựng cơ sở văn hóa:**

Năm 2023, diện tích đất xây dựng cơ sở văn hóa: 13,85 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 0,02 ha; Đồng thời tăng 1,85 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở văn hóa là 15,68 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 9,48 ha. Bao gồm 8 công trình dự án với tổng diện tích 1,18 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Nhà văn hóa Thôn Nhất Nhì	Liêm Càn	0,05
2	Nhà văn hóa thôn Thạch Tổ	Thanh Hà	0,11
3	Nhà văn hóa thôn Mậu Chử	Thanh Hà	0,13
4	Nhà văn hóa thôn Hòa Ngãi	Thanh Hà	0,09
5	Quy hoạch nhà văn hóa-thôn Ba Làng	Thanh Phong	0,20
6	Mở rộng nhà văn hóa TK Ninh Phú	Thị trấn Kiện Khê	0,12
7	Dự án ĐTXD Quảng trường trung tâm, huyện Thanh Liêm	Thị trấn Tân Thanh	0,33
8	Nhà văn hóa thôn Bồng Lạng	Thanh Nghị	0,15

*** Đất xây dựng cơ sở y tế:**

Năm 2023, diện tích Đất xây dựng cơ sở y tế: 5,40 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 0,29 ha. Đồng thời tăng 10,24ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở y tế là 15,35 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 0,02 ha. Bao gồm 2 công trình dự án với tổng diện tích 10,24ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch Bệnh viện Lão khoa cơ sở II tại Hà Nam (giai đoạn I)	Thanh Nguyên, Thanh Tâm	10,17
2	Mở rộng trạm y tế	Thanh Hà	0,07

*** Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo:**

Năm 2023, diện tích Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo: 52,25 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 0,81 ha. Đồng thời tăng 25,85 ha;

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo là 77,29 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 12,71 ha. Bao gồm 37 công trình dự án với tổng diện tích 22,83 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch Trường Trung cấp nghề Bách Khoa	Thanh Hà	9,80
2	Trường mầm non Kiện Khê (Đông Hà)	Thị trấn Kiện Khê	0,50
3	QH mở rộng điểm trường mầm non thôn Nhất	Liên Cần	0,50
4	Quy hoạch mở rộng trường mầm non trung tâm thôn Ngũ Cối	Liên Cần	0,30
5	Quy hoạch mở rộng trường Trung học cơ sở	Liên Cần	0,50
6	Mở rộng Trường Tiểu học xã Thanh Hà	Thanh Hà	0,15
7	Mở rộng trường Tiểu học xã Thanh Tâm, nhà đa năng	Thanh Tâm	0,29
8	Mở rộng trường THCS xã Thanh Tâm, nhà đa năng	Thanh Tâm	0,36
9	Mở rộng trường Tiểu học và THCS xã Liêm Thuận	Liên Thuận	0,55
10	Trường Mầm non trung tâm	Liên Thuận	0,80
11	Trường Mầm non thôn Cháy	Liên Thuận	0,29
12	Trường Mầm non thôn Nga	Liên Thuận	0,19
13	Trường Mầm non thôn Gừa	Liên Thuận	0,25
14	Mở rộng trường Mầm Non xã	Thanh Tân	0,13
15	Trường mầm non Thượng Phú	Liên Phong	0,07
16	Trường Mầm non Yên Thống	Liên Phong	0,06
17	Mở rộng trường tiểu học Liêm Phong	Liên Phong	0,24
18	Mở rộng trường Mầm non	Liên Phong	0,16
19	Trường tiểu học thôn Nguyễn Phú	Thanh Hương	0,07
20	MR trường mầm non	Thanh Hương	0,05
21	MR trường mầm non trung tâm xã	Thanh Hương	0,13
22	Mở rộng trường tiểu học	Liên Túc	0,66
23	Mở rộng trường THCS	Liên Túc	0,65
24	Q.H Trường Mầm Non T.T	Liên Túc	0,91
25	Xây dựng trường mầm non	Thanh Nghị	0,46
26	Mở rộng trường cấp 2 khu A	Thanh Nghị	0,12
27	MR trường THCS khu B	Thanh Nghị	0,50

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
28	Xây dựng Khu mầm non trung tâm xã	Liên Sơn	0,46
29	Mở rộng Trường tiểu học Khu B	Liên Sơn	0,50
30	Mở rộng trường tiểu học khu A	Liên Sơn	0,28
31	Mở rộng Trường THCS xã	Liên Sơn	0,50
32	Mở rộng trường Mầm Non xã	Liên Sơn	0,18
33	Mở rộng trường tiểu học	Thanh Thủy	0,49
34	Quy hoạch trường mầm non xã	Thanh Hải	1,00
35	Quy hoạch mở rộng trường tiểu học	Thanh Hải	0,20
36	Quy hoạch mở rộng trường THCS	Thanh Hải	0,42
37	Quy hoạch trường tiểu học xã Thanh Phong	Thanh Phong	0,10

*** Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao:**

Năm 2023, diện tích Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao: 15,51 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 2,92 ha. Đồng thời tăng 267,00 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao là 279,59 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 48,97 ha. Bao gồm 24 công trình dự án với tổng diện tích 267,20 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch Sân golf Đồi Con Phượng	Thanh Tân, Thanh Nghị	245,64
2	Quy hoạch STT Thôn Nhất Nhì	Liên Cần	0,20
3	Quy hoạch sân thể thao xã	Liên Cần	0,70
4	Quy hoạch nhà thi đấu đa năng	Liên Cần	0,30
5	Quy hoạch sân thể thao thôn Thạch Tổ	Thanh Hà	0,25
6	Quy hoạch sân thể thao thôn Ứng Liêm	Thanh Hà	0,17
7	Quy hoạch sân thể thao Xã	Thanh Hà	0,70
8	Quy hoạch sân thể thao Xã	Liên Thuận	0,70
9	Quy hoạch sân thể thao Xã	Thanh Tâm	0,70
10	Sân thể thao thôn Thử Hoà	Thanh Tân	0,25
11	Quy hoạch sân thể thao Xã	Thanh Tân	0,70
12	Quy hoạch sân thể thao thôn Mai Cầu	Thanh Nguyễn	0,12
13	Quy hoạch sân thể thao thôn Thanh Khê	Thanh Hải	0,25

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
14	Quy hoạch sân thể thao xã	Thanh Hải	0,70
15	Quy hoạch sân thể thao Xã	Liên Phong	0,70
16	Quy hoạch STT thôn Yên Việt	Liên Phong	0,06
17	Quy hoạch sân thể thao TT xã	Thanh Hương	0,70
18	Quy hoạch sân thể thao Xã	Liên Túc	0,70
19	Quy hoạch sân thể thao xã	Thanh Nghị	0,70
20	Quy hoạch sân thể thao thị trấn	Thị trấn Kiện Khê	0,70
21	Quy hoạch Sân thể thao TK Kiện Khê	Thị trấn Kiện Khê	0,15
22	Quy hoạch Sân thể thao TK La Mát	Thị trấn Kiện Khê	0,15
23	Quy hoạch Sân thể thao tiểu khu Lâm Sơn	Thị trấn Kiện Khê	0,15
24	Dự án ĐTXD trung tâm thể thao và khu hoa viên cây xanh, huyện Thanh Liêm	Thị trấn Tân Thanh	11,81

*** Đất công trình năng lượng:**

Năm 2023, diện tích Đất công trình năng lượng: 13,91 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 0,16 ha. Đồng thời tăng 6,84 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất công trình năng lượng là 20,60 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 0,32 ha. Bao gồm 37 công trình dự án với tổng diện tích 6,84ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Đường Điện Phía Nam nhà Văn hóa xóm Thượng Trang thôn Thượng Phú	Liên Phong	0,004
2	Đường điện nâng cấp lộ 972 từ 10kv lên 22kv	Liên Phong	0,014
3	Đường điện 35KV qua Nguyễn Trung, Yên Thống	Liên Phong	0,009
4	Đường điện Phú Lộc	Liên Phong	0,005
5	Đường Điện Nguyễn Trung	Liên Phong	0,002
6	Xuất tuyến 110kV cấp điện cho TBA 110kV Thành Thắng 3	Thanh Nghị, Thanh Hải	0,401
7	Nhà vận hành và QI của CT Điện lực Hà Nam	Thanh Hà, Thanh Nguyên	0,030
8	Cải tạo ĐZ trung thế 35kV lộ 374E24.8 và nhánh Tây Hải lộ 377E24.8 điện lực Thanh Liêm	Thanh Hải, Thanh Nghị	0,070

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
9	Đường dây và TBA 110kV Kiện Khê	Kiện Khê, Thanh Thủy	0,850
10	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam-năm 2020	Thanh Tâm, Liêm Sơn, Liêm Túc, Thanh Tân, Kiện Khê, Thanh Nghị, Thanh Hải, Thanh Hà, Liêm Phong	0,040
11	Cải tạo ĐZ trung thế cột 123 đến cột 136 lộ 475 E3.2 và các nhánh rẽ Điện lực Thanh Liêm	Thanh Tân, Thanh Thủy, TT Kiện Khê, Thanh Hà	0,030
12	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, thị trấn huyện Thanh Liêm năm 2021	Thanh Hà, TT Kiện Khê, TT Tân Thanh, Thanh Nguyên, Liêm Sơn, Thanh Hải, Liêm Phong	0,100
13	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và nâng cao chất lượng điện áp tại các khu vực có điện áp thấp thuộc huyện Thanh Liêm năm 2021	Thanh Hà, Thanh Hương, Thanh Nguyên, Liêm cần	0,050
14	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và nâng cao chất lượng điện áp tại các khu vực có điện áp thấp thuộc huyện Thanh Liêm năm 2021	Kiện Khê, Tân Thanh, Thanh Hà	0,030
15	Xây dựng mới lộ 471,473,475 sau TBA 110kV Kiện Khê	TT Kiện Khê, Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Hà, Thanh Phong	0,080
16	Xây dựng mới lộ 371, 373, 375 sau TBA 110kV Kiện Khê	Kiện Khê, Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Hà, Thanh Phong	0,090
17	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, thị trấn thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2022	Thanh Hà, Kiện Khê, Thanh Lưu, Thanh Nguyên, Liêm Cần, Thanh Hương, Thanh	0,100

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
		Nghi, Thanh Thủy	
18	Xây dựng 01 xuất tuyến 35kV sau TBA 110kV Kiện Khê để san tải cho lộ 373 E24.8 và kết nối mạch vòng với lộ 374 E24.11 TBA 110kV Châu Sơn - huyện Thanh Liêm	Thanh Thủy, Thanh Phong	0,048
19	Xây dựng xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Kiện Khê để san tải cho lộ 475E3.2 và kết nối mạch vòng với lộ 473E24.8 huyện Thanh Liêm	Kiện Khê, Thanh Thủy, Thanh Hương, Thanh Tân	0,040
20	Hoàn thiện, nâng cao năng lực mạch vòng trung áp trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2022	Liêm Phong, Thanh Hà, Thanh Thủy, Liêm Sơn	0,030
21	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, thị trấn thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2023	Thanh Hà, Kiện Khê, Tân Thanh, Liêm Thuận, Liêm Sơn, Thanh Hải, Thanh Nghị	0,100
22	Xây dựng mới lộ 377 sau TBA 110kV Kiện Khê	Kiện Khê, Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Hà, Thanh Phong	0,080
23	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, thị trấn thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2024	Kiện Khê, Tân Thanh, Thanh Nguyên, Liêm Càn, Liêm Túc, Liêm Sơn, Thanh Hương, Thanh Thủy	0,100
24	Xây dựng mới lộ 477, 479 sau TBA 110kV Kiện Khê cấp điện KCN Thanh Liêm	Kiện Khê, Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Hà, Thanh Phong	0,090
25	Xây dựng mới lộ 472, 474 sau TBA 110kV Kiện Khê cấp điện KCN Thanh Liêm 2	Kiện Khê, Thanh Thủy, Thanh Tân, Thanh Hà, Thanh Phong	0,100
26	Xây dựng mới đường dây 220kV Lý Nhân - Thanh Nghị	Huyện Thanh Liêm	1,500

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
27	Xây dựng đường dây 110kV mạch kép trạm 220kV Thanh Nghị - Kiện Khê	Huyện Thanh Liêm	0,700
28	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, thị trấn thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2026	Tân Thanh, Thanh Hải, Thanh Hương, Thanh Nghị, Thanh Nguyên, Thanh Phong, Thanh Tâm, Thanh Tân, Thanh Thủy	0,100
29	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, thị trấn thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2027	Tân Thanh, Kiện Khê, Liêm Cần, Liêm Phong, Liêm Sơn, Liêm Thuận, Liêm Túc, Thanh Hà, Thanh Hải, Thanh Hương, Thanh Nghị	0,100
30	Hoàn thiện lưới điện trung thế để chống quá tải, giảm tổn thất lưới điện huyện Thanh Liêm năm 2027	Thanh Hương, Thanh Nghị, Thanh Nguyên, Thanh Phong	0,100
31	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, thị trấn thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2028	Liêm Phong, Liêm Sơn, Liêm Thuận, Liêm Túc, Thanh Hà, Thanh Hải, Thanh Hương, Thanh Nghị, Thanh Nguyên, Thanh Phong	0,100
32	Xây dựng các xuất tuyến sau TBA 110kV trên địa bàn thị huyện Thanh Liêm năm 2028	Kiện Khê, Liêm Cần, Liêm Phong, Thanh Hà, Thanh Bình	0,100
33	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, thị trấn thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2029	Kiện Khê, Liêm Cần, Liêm Phong, Liêm Sơn, Liêm Thuận, Thanh Hương, Thanh	0,100

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
		Nghi, Thanh Nguyên, Thanh Phong, Thanh Thủy	
34	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã, thị trấn thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2030	Kiên Khê, Liêm Cần, Liêm Phong, Liêm Sơn, Liêm Thuận, Liêm Túc, Thanh Hà, Thanh Hải, Thanh Phong, Thanh Tâm, Thanh Tân	0,100
35	Hoàn thiện lưới điện trung thế để chống quá tải, giảm tổn thất lưới điện huyện Thanh Liêm năm 2030	Liêm Cần, Liêm Phong, Thanh Hà, Thanh Hải, Thanh Phong, Thanh Tâm, Thanh Tân	0,100
36	Đường dây 110kV cấp điện cho trạm biến áp 110kV xi măng Long Thành	Thị trấn Kiên Khê	0,150
37	Quy hoạch trạm 110kV khu CN Thanh Bình II	Thanh Nguyên	1,200

*** Đất công trình bưu chính viễn thông:**

Năm 2023, diện tích Đất công trình bưu chính, viễn thông: 1,05 ha. Trong kỳ điều chỉnh tăng 0,04 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất công trình bưu chính viễn thông là 1,09 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ -0,96 ha. Để xây dựng Trụ sở bưu điện xã Thanh Tân với diện tích 0,04 ha.

*** Đất có di tích lịch sử văn hóa:**

Trong kỳ điều chỉnh, diện tích Đất có di tích lịch sử - văn hóa tăng: 16,94ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất có di tích lịch sử văn hóa là 16,94 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 14,00 ha. Để thực hiện dự án Khu Văn hóa du lịch Chùa Tiên với diện tích 16,94 ha.

*** Đất bãi thải, xử lý chất thải:**

Năm 2023, diện tích Đất bãi thải, xử lý chất thải 33,55 ha. Trong kỳ điều chỉnh giảm 0,09 ha. Đồng thời tăng 5,71 ha;

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất bãi thải, xử lý chất thải là 39,17 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ 4,23 ha. Bao gồm 15 công trình dự án với tổng diện tích

5,57ha, cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Dự án ĐTXD trạm xử lý nước thải tập trung tại thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm	Thị trấn Tân Thanh	1,99
2	Quy hoạch Bãi rác thôn Ngũ Cối	Liêm Cần	0,10
3	Quy hoạch Bãi trung chuyển rác thôn Gừa Sông	Liêm Thuận	1,00
4	Quy hoạch Bãi trung chuyển rác thôn Thị	Liêm Thuận	0,07
5	Mở rộng đất rác thải thôn Nham Tràng	Thanh Tân	0,07
6	Mở rộng đất rác thải thôn Đức Hòa	Thanh Tân	0,04
7	Đất rác thải thôn Nam Công	Thanh Tân	0,05
8	QH bãi rác tập trung	Thanh Hương	0,25
9	Quy hoạch bãi rác thôn Hiếu Thượng	Thanh Hải	0,19
10	QH Bãi Rác Kênh	Thanh Nghị	0,78
11	QH Bãi Rác Đại Bái	Thanh Nghị	0,13
12	Bãi rác chung chuyển	Thanh Thủy	0,10
13	Quy hoạch bãi rác chung chuyển	Thanh Hà	0,20
14	Quy hoạch trạm xử lý nước thải	Thanh Hà	0,50
15	Quy hoạch bãi rác	TT Kiện Khê	0,10

*** Đất tôn giáo:**

Năm 2023, diện tích Đất cơ sở tôn giáo: 32,48 ha; Trong kỳ điều chỉnh tăng 16,26 ha;

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất tôn giáo là 48,74 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 6,75 ha. Bao gồm 13 công trình dự án với tổng diện tích 16,26 ha, cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Mở rộng chùa Kim Lũ xã Thanh Nguyên	Thanh Nguyên	0,18
2	Mở rộng chùa Trung Hạ Đại Vượng	Thanh Nguyên	0,06

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
3	Quy hoạch chùa thôn Thanh Sơn	Thanh Nghị	0,20
4	Quy hoạch chùa thôn Thanh Bồng	Thanh Nghị	0,20
5	Nhà thờ Giáo xứ Sở Kiện	Thị trấn Kiện Khê	1,99
6	Quy hoạch đất tôn giáo	Thị trấn Kiện Khê	0,53
7	Mở rộng chùa Sơn Long	Thanh Hải	0,20
8	Mở rộng chùa Trinh Tiết	Thanh Hải	0,20
9	QH chùa Thanh Khê	Thanh Hải	0,20
10	Quy hoạch Mở rộng chùa Môi	Thanh Tâm	0,20
11	Quy hoạch mở rộng Núi Chùa	Thanh Tâm	9,94
12	Quy hoạch mở rộng Chùa Cây Thị	Thanh Tâm	2,00
13	MR khu di tích lịch sử Chùa Châu	Thị trấn Kiện Khê	0,36

*** Đất nghĩa trang, nghĩa địa:**

Năm 2023, diện tích Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 163,65 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm 2,34 ha. Đồng thời tăng 25,76 ha. Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất nghĩa trang, nghĩa địa là 187,07 ha, cao hơn chỉ tiêu phân bổ 1,61 ha. Bao gồm 25 công trình với tổng diện tích 27,75 ha, cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch nghĩa trang tập trung	TT Tân Thanh	4,80
2	Quy hoạch nghĩa trang tập trung	TT Tân Thanh	3,47
3	Quy hoạch nghĩa trang tập trung xã (Nhất Nhì)	Liên Cần	1,00
4	Quy hoạch nghĩa trang tập trung xã (Ngũ Cối)	Liên Cần	1,00
5	Mở rộng nghĩa trang thôn Dương Xá	Thanh Hà	0,50
6	Quy hoạch nghĩa trang tập trung xã	Liên Thuận	1,00
7	QH nghĩa trang, nghĩa địa	Thanh Phong	1,00
8	Quy hoạch nghĩa địa thôn Phú Gia	Thanh Nguyên	0,05

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
9	Mở rộng nghĩa địa thôn Mộc Tòng	Thanh Nguyên	0,20
10	Mở rộng nghĩa địa thôn Đại Vượng Hạ	Thanh Nguyên	0,05
11	Quy hoạch nghĩa địa thôn Thượng 1, 2, Trung	Thanh Nguyên	1,62
12	Quy hoạch mở rộng nghĩa trang tập trung thôn Thanh Khê	Thanh Hải	1,00
13	Quy hoạch nghĩa trang tập trung Hạ Trang	Liên Phong	0,50
14	Quy hoạch nghĩa trang tập trung Nguyễn Trung	Liên Phong	0,50
15	QH nghĩa trang Nguyễn Phú	Thanh Hương	0,50
16	QH nghĩa trang 2 Tầng	Thanh Hương	0,56
17	Quy hoạch nghĩa trang tập trung	Liên Túc	1,00
18	QH MR nghĩa trang Bồng Lạng (Mã Mây)	Thanh Nghị	1,00
19	Mở rộng nghĩa trang tập trung thôn Nham Kênh	Thanh Nghị	1,00
20	Mở rộng nghĩa địa thôn Trung Thành	Thanh Thủy	1,00
21	Quy hoạch nghĩa trang trung tâm xã	Liên Sơn	1,00
22	Quy hoạch nghĩa trang trung tâm xã	Liên Sơn	1,00
23	Quy hoạch nghĩa trang thôn Thong	Thanh Tâm	1,00
24	QH nghĩa trang, nghĩa địa	Thanh Tân	1,00
25	Quy hoạch nghĩa trang tập trung	Thị trấn Kiện Khê	2,00

*** Đất chợ:**

Năm 2023, diện tích Đất chợ: 6,32 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm: 0,29 ha. Đồng thời tăng 1,71 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất chợ là 7,74 ha. Bao gồm 6 công trình dự án với tổng diện tích 2,31 ha, cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch chợ trung tâm xã	Thanh Tân	0,66
2	Quy hoạch chợ Thanh Khê	Thanh Hải	0,30

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
3	Chợ trung tâm xã	Liên Phong	0,25
4	Mở rộng chợ Bồng Lạng	Thanh Nghị	0,20
5	Mở rộng chợ Khoái	Liên Sơn	0,30
6	Quy hoạch chợ Tây Hà	TT Kiện Khê	0,60

2.10. Đất ở

- Đất ở nông thôn: Năm 2023, diện tích Đất ở nông thôn: 713,49 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm: 9,24 ha. Đồng thời tăng 95,39 ha. Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất ở nông thôn là 799,64ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ là 34,98 ha.

- Đất ở đô thị: Năm 2023, diện tích Đất ở đô thị: 293,39 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm: 2,51 ha. Đồng thời tăng 85,19 ha Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu đất ở đô thị là 376,07ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ là 30,81 ha.

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Các dự án phát triển đô thị, nhà ở thuộc quy hoạch đô thị phân khu 3 năm phố Cà (khu đơn vị ở số 3,5 Phố Cà)	Thanh Tâm, Thanh Nguyên (TT Phố Cà)	28,00
2	Khu dân cư nông thôn mới tại xã Thanh Nguyên, huyện Thanh Liêm	Thanh Nguyên (TT Phố Cà)	1,33
3	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Liêm Tiết - Liêm Cần thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực giáp ranh xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý và xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm (PL-ĐT.05.22-2)	Liên Cần	34,60
4	Khu đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm (chợ thạch tổ)	Thanh Hà	4,92
5	Khu đầu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hà (Lô OM-24), huyện Thanh Liêm	Thanh Hà	3,94
6	Dự án Khu nhà ở tại xã Thanh Hà, Thanh Phong và thị trấn Tân Thanh (TL-ĐT14.22)	TT Tân Thanh, Thanh Phong, Thanh Hà	9,90
7	Khu dân cư (Khu dịch vụ, du lịch, sinh thái nghỉ dưỡng xã Liêm Sơn)	Liên Sơn	20,00
8	Khu dân cư thôn Gừa Sông, xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT18.22)	Liên Thuận	3,50
9	Khu dân cư nông thôn mới tại xã Thanh Phong (TL-ĐT01.21)	Thanh Phong	11,44

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
10	Khu dân cư nông thôn mới tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT04.21)	Thanh Phong	9,16
11	Dự án Khu đô thị thuộc địa bàn xã Thanh Hà và thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT12.22)	TT Tân Thanh, Thanh Hà	20,50
12	Dự án Khu đô thị tại địa bàn xã Thanh Hà và thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT13.22)	TT Tân Thanh, Thanh Hà	20,50
13	Dự án Khu đô thị các lô OM27, lô ND-4, lô OHT-44 và lô ĐT-9, bến xe phía Tây Bắc nút giao đường ĐT.4 và đường ĐT.498B thuộc địa bàn xã Thanh Phong và thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm (TL-DT.16.22).	TT Tân Thanh, Thanh Phong	23,00
14	Khu nhà ở đông TT Kiện Khê, huyện Thanh Liêm	Thị trấn Kiện Khê	8,37
15	Khu tái định cư tại xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm	Liêm Sơn	2,23
16	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm	Liêm Sơn	4,80
17	Khu dân cư nông thôn mới và thương mại dịch vụ tại xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm (TL-DT.23.24)	Liêm Sơn	3,76
18	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm	Liêm Thuận	6,00
19	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm (vị trí 1)	Thanh Hương	2,90
20	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm (vị trí 2)	Thanh Hương	2,20
21	Khu dân cư nông thôn mới tại xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm	Thanh Nghị	3,00
22	Khu dân cư tại xã Thanh Tâm, huyện Thanh Liêm	Thanh Tâm (TT Phố Cà)	2,00
23	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn mới tại lô OM-28, lô OM- 29 theo quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT11.22)	Thanh Phong	9,80

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
24	Dự án khu dân cư tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-DT.17.22) - Lô OM-19, OM-26	Thanh Phong	11,00
25	Dự án khu dân cư tại xã Thanh Hà và xã Thanh Phong (TL-ĐT08.22)	Thanh Hà, Thanh Phong	9,80
26	Dự án khu dân cư tại Lô OM.10, OM.17. OM.18 tại xã Thanh Phong và Lô HH.10 tại TT Tân Thanh, huyện Thanh Liêm	TT Tân Thanh, Thanh Phong	10,00
27	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm	Thanh Hương	0,49
28	Quy hoạch đất ở thôn Trung Hạ Đại Vượng	Thanh Nguyên (TT Phó Cà)	1,00
29	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm	Liêm Thuận	0,35
30	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Thanh (lô HH16 theo quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm), huyện Thanh Liêm	TT Tân Thanh	4,70
31	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Thanh (lô NV4, lô NV7 theo quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm), huyện Thanh Liêm	TT Tân Thanh	9,14
32	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Thanh (Lô NV10), huyện Thanh Liêm	TT Tân Thanh	4,15
33	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Thanh (lô BT4, lô BT12 theo quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm)	TT Tân Thanh	4,72
34	Đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị tại thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT09.22)	TT Tân Thanh	16,43
35	Khu tái định cư phục vụ các dự án tại thị trấn Tân Thanh và một số xã lân cận	TT Tân Thanh	3,07
36	Dự án chỉnh trang đô thị kết hợp xây dựng khu nhà ở tại thị trấn Tân Thanh	TT Tân Thanh	4,30
37	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị thuộc khu trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm - Vị trí 1	TT Tân Thanh	0,61
38	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị thuộc khu trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm - Vị trí 2	TT Tân Thanh	13,63

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
39	Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT06.21)	TT Tân Thanh	5,65
40	Dự án Khu dân cư mới tại địa bàn thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm	TT Tân Thanh	8,00
41	Khu đất 7% dự án CCN Kiện Khê I - Vị trí 1	Thị trấn Kiện Khê	1,14
42	Khu đất 7% dự án CCN Kiện Khê I - Vị trí 3	Thị trấn Kiện Khê	0,95
43	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị tại thị trấn Tân Thanh (TL-ĐT05.21)	Tân Thanh	15,00
44	Đấu giá Thanh Hương	Thanh Hương	3,50
45	Đấu giá Bột nhẹ	Thị trấn Kiện Khê	2,00
46	Đấu giá lại khu trung tâm hành chính huyện	Thanh Hà	4,50
47	Chuyển mục đích sử dụng đất	Liêm Cần	1,00
48	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thanh Hà	1,00
49	Chuyển mục đích sử dụng đất	Liêm Thuận	1,00
50	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thanh Tâm (TT Phó Cà)	1,00
51	Chuyển mục đích sử dụng đất	Liêm Túc	1,00
52	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thanh Tân	1,00
53	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thanh Phong	2,00
54	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thanh Nguyên (TT Phó Cà)	1,00
55	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thanh Hải	1,00
56	Chuyển mục đích sử dụng đất	Liêm Phong	1,00
57	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thanh Hương	1,00
58	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thanh Nghị	1,00
59	Chuyển mục đích sử dụng đất	Liêm Sơn	1,00
60	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thanh Thủy	1,00
61	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thị trấn Tân Thanh	1,00

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
62	Chuyển mục đích sử dụng đất	Thị trấn Kiên Khê	1,00

2.11. Đất trụ sở cơ quan

Năm 2023, diện tích Đất trụ sở cơ quan: 15,30 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm: 1,62 ha. Đồng thời tăng 4,42 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu Đất trụ sở cơ quan là 18,10 ha thấp hơn chỉ tiêu phân bổ là 0,99 ha. Bao gồm bao gồm 8 dự án với tổng diện tích 4,42 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch trụ sở xã Thanh Hà	Thanh Hà	1,13
2	Quy hoạch trụ sở xã Thanh Hương	Thanh Hương	0,90
3	Quy hoạch trụ sở và kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm	Thị trấn Tân Thanh	0,20
4	Quy hoạch Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm	Thị trấn Tân Thanh	0,39
5	Quy hoạch Kho bạc Nhà nước huyện Thanh Liêm	Thị trấn Tân Thanh	0,30
6	Quy hoạch Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm	Thị trấn Tân Thanh	0,50
7	Quy hoạch đất dự trữ cơ quan	Thị trấn Tân Thanh	0,80
8	Quy hoạch Ngân hàng chính sách huyện	Thị trấn Tân Thanh	0,20

2.12. Đất công trình sự nghiệp

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu Đất công trình sự nghiệp là 0,74 ha thấp hơn chỉ tiêu phân bổ là 2,56 ha. Bao gồm 5 dự án với tổng diện tích 0,74 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Quy hoạch Bảo hiểm xã hội huyện Thanh Liêm	Thị trấn Tân Thanh	0,20
2	Quy hoạch Ngân hàng NN&PTNT	Thị trấn Tân Thanh	0,40
3	Trụ sở HTX Nam Tân	Thanh Tân	0,03
4	Trụ sở HTX NN	Thanh Tân	0,04

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
5	Trụ sở HTX Võ Giang	Thanh Thủy	0,07

2.13. Đất cơ sở tín ngưỡng

Năm 2023, diện tích Đất cơ sở tín ngưỡng: 19,99 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm: 0,05 ha. Đồng thời tăng 0,52 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu Đất cơ sở tín ngưỡng là 20,47 ha. Bao gồm 5 dự án với tổng diện tích 0,53 ha. Cụ thể:

STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Diện tích (ha)
1	Đất tín ngưỡng thôn Bạc	Thanh Tân	0,05
2	Mở rộng Đình Đình Công Tráng	Thanh Tân	0,04
3	QH mở rộng Đình	Thanh Hải	0,25
4	Mở rộng đình Ông	Liên Túc	0,06
5	Quy hoạch đình thôn Nham Kênh	Thanh Nghị	0,12

2.14. Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối

Năm 2023, diện tích Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 393,94 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm: 14,96 ha. Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối là 378,98ha.

2.15. Đất có mặt nước chuyên dùng

Năm 2023, diện tích Đất có mặt nước chuyên dùng: 139,71 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm: 25,56 ha, đồng thời tăng 2,14 ha. Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu Đất có mặt nước chuyên dùng là 116,28 ha. Bao gồm dự án Khu đầm sen tại Thị trấn Kiện Khê, diện tích 0,91 ha

2.16. Đất phi nông nghiệp khác

Năm 2023, diện tích Đất phi nông nghiệp khác: 16,68 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm: 0,33 ha, đồng thời tăng 16,80 ha.

Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu Đất phi nông nghiệp khác là 33,15 ha. Để thực hiện Dự án đầu tư cảnh quan cây xanh mặt nước dọc tuyến đường ĐT.495B đoạn từ đường T4 đến nút giao cao tốc (đoạn Nút Liên Sơn đến đường vào chùa Địa Tạng) tại xã Liên Sơn với diện tích 16,80 ha.

3. Đất chưa sử dụng

Năm 2023, diện tích Đất chưa sử dụng: 1.556,23 ha; Trong kỳ điều chỉnh giảm: 679,09 ha. Dự kiến đến năm 2030, chỉ tiêu Đất chưa sử dụng là 877,14 ha, thấp hơn chỉ tiêu phân bổ là 394,81 ha.

III. Kế hoạch sử dụng đất năm đầu

Trong kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch đến năm 2030, dự kiến thực hiện các công trình, dự án sau đây:

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
*	Đất quốc phòng			
1	Công trình đất quốc phòng	0,10	Thanh Nghị	Văn bản số 2509/UBND-GTXD ngày 19/09/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc đề nghị chuyển giao đất quốc phòng cho địa phương phát triển Kinh tế - xã hội
2	Công trình đất quốc phòng	15,70	Thanh Nghị	Văn bản số 2509/UBND-GTXD ngày 19/09/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc đề nghị chuyển giao đất quốc phòng cho địa phương phát triển Kinh tế - xã hội
*	Đất an ninh			
3	Trụ sở làm việc Công an xã Liêm Cần	0,15	Liêm Cần	Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2023-2025

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
4	Trụ sở làm việc Công an xã Liêm Túc	0,16	Liêm Túc	Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2023-2025
5	Trụ sở làm việc Công an xã Liêm Thuận	0,15	Liêm Thuận	Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2023-2025
6	Trụ sở làm việc Công an Thị trấn Kiện Khê	0,16	TT Kiện Khê	Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2023-2025
7	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Thủy	0,15	Thanh Thủy	Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2023-2025
8	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Hải	0,15	Thanh Hải	Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2023-2025
9	Trụ sở làm việc Công an xã Liêm Sơn	0,15	Liêm Sơn	Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2023-2025

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
10	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Nghị	0,15	Thanh Nghị	Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2023-2025
11	Trụ sở làm việc Công an xã Thanh Hương	0,15	Thanh Hương	Quyết định số 473/QĐ-UBND ngày 27/04/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt Đề án Đầu tư xây dựng trụ sở công an xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh Hà Nam, giai đoạn 2023-2025
12	Dự án Đầu tư xây dựng Trụ sở đội CSGT đường thủy tuyến sông Đáy	0,10	Thanh Hải	Văn bản số 3449/UBND-GTXD ngày 16/11/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về việc chấp thuận địa điểm xây dựng
*	Đất khu công nghiệp			
13	Khu công nghiệp Thanh Liêm	9,23	Thanh Hà	
*	Đất trụ sở cơ quan			
14	Dự án đầu tư xây dựng trụ sở Kho bạc nhà nước Thanh Liêm	0,30	TT Tân Thanh	Quyết định số 189/QĐ-UBND ngày 27/01/2016 của Bộ Tài chính phê duyệt chủ trương đầu tư, 5900/KBNN-TVQT ngày 11/11/2021 của Kho bạc nhà nước thông báo dự kiến thu, chi năm 2022
15	Đầu tư xây dựng trụ sở Tòa án huyện	0,39	TT Tân Thanh	Thông báo 19/TB-UBND ngày 31/03/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về địa điểm xây dựng; QĐ 102/QĐ-TANDTC-KHTC ngày 04/05/2021 của Tòa án nhân dân tối cao về QĐ chủ trương đầu tư dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
16	Trụ sở làm việc Phòng giao dịch ngân hàng chính sách xã hội huyện Thanh Liêm	0,25	TT Tân Thanh	Văn bản số 923/NHCS-XDCB ngày 20/02/2020 thông báo Kế hoạch vốn; Văn bản số 664/UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Hà Nam chấp thuận vị trí xây dựng; Quyết định số 434/QĐ-NHCS ngày 11/05/2022 của Ngân hàng Chính sách xã hội phê duyệt chủ trương đầu tư; Văn bản số 4074/NHCS-XDCB ngày 25/05/2022 của Ngân hàng chính sách xã hội; Quyết định số 846/QĐ-UBND ngày 31/10/2023 của Ngân hàng Chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư và thời gian thực hiện dự án
17	Đầu tư xây dựng Trụ sở và kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	0,20	TT Tân Thanh	Văn bản số 2590/UBND-GTXD ngày 30/9/2021 của UBND tỉnh Hà Nam V/v chấp thuận địa điểm xây dựng trụ sở; Quyết định số: 1102/QĐ-BTP ngày 05/7/2021 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình; Văn bản số 355/TCTHADS-KHTC ngày 24/01/2024 của tổng cục thi hành án dân sự V/v thông báo kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2024 dự án trụ sở và kho vật chứng THADS huyện Thanh Liêm; Quyết định số: 2202/QĐ-BTP ngày 21/8/2019 của Bộ Tư pháp về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư công trình
18	Đầu tư xây dựng Trụ sở của Bảo hiểm xã hội huyện Thanh Liêm	0,20	TT Tân Thanh	
*	Đất giao thông	108,24		

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
19	Dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường trục vành đai kinh tế T4 (đoạn từ QL21 đến đường ĐT.499B), huyện Thanh Liêm	0,70	Thanh Hà	Quyết định số 2370/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh phê duyệt dự án; Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 10/06/2020 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt chủ trương đầu tư
20	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối QL1A giao với đường cao tốc Cầu Giẽ-Ninh Bình bằng nút giao Liêm Sơn đi qua huyện Bình Lục giao với QL21A, QL21B đường nối hai cao tốc Hà Nội-Hải Phòng và Hà Nội-Ninh Bình; kết nối hai di tích Quốc gia đặc biệt là đền Trần Thương (tỉnh Hà Nam) và khu di tích lịch sử -văn hóa đền Trần (tỉnh Nam Định)	5,95	Liêm Túc, Liêm Sơn, Thanh Tâm, Thanh Nguyên	Nghị quyết số 54/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh Hà Nam Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
21	Đầu tư xây dựng đường gom dọc tuyến đường sắt Hà Nội - thành phố Hồ Chí Minh, địa phận tỉnh Hà Nam	2,43	Liêm Cần, Liêm Phong	Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 14/10/2021 của HĐND tỉnh Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
22	Đầu tư xây dựng tuyến đường Đ.N07, tuyến đường Đ.D09 và hoàn trả một phần kênh tiêu KT-8 tại Khu trung tâm	1,92	TT Tân Thanh	Nghị quyết số 32/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND huyện Thanh Liêm, Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 23/05/2022 của UBND huyện về bố trí vốn; Quyết định phê duyệt dự án số 1419/QĐ-UBND ngày 18/7/2022 của UBND huyện Thanh Liêm; Quyết định

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
	hành chính huyện Thanh Liêm			phê duyệt điều chỉnh dự án số 331/QĐ-UBND ngày 10/3/2023 của UBND huyện Thanh Liêm
23	Đầu tư xây dựng tuyến đường ĐH.07 (đoạn từ Khu nhà ở đô thị tại Thị trấn Tân Thanh đến Khu đầu giá xã Thanh Phong, xã Thanh Hà), huyện Thanh Liêm	1,72	Thanh Hà, TT Tân Thanh	Nghị quyết 28/NQ-HĐND ngày 27/09/2022 của HĐND huyện Thanh Liêm phê duyệt chủ trương dự án
24	Đầu tư xây dựng tuyến đường Đ.N02 (Kết nối đường ĐT 495 với đường T4), huyện Thanh Liêm	5,10	TT Tân Thanh	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư số 21/NQ-HĐND ngày 27/9/2022; Nghị quyết điều chỉnh chủ trương đầu tư số 07/NQ-HĐND ngày 15/5/2023 của HĐND huyện Thanh Liêm
25	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường ĐH.06 (đoạn từ đường T1 đến đường ĐH.10) huyện Thanh Liêm	4,09	TT Tân Thanh	Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 27/09/2022 của HĐND huyện Thanh Liêm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
26	Đầu tư xây dựng tuyến đường Đ.N09 (đoạn nối đường ĐH.06 với đường Đ.D05) huyện Thanh Liêm	1,41	TT Tân Thanh	Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 27/09/2022 của HĐND huyện Thanh Liêm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
27	Đầu tư xây dựng tuyến đường Đ.N11 (đoạn nối đường ĐH.06 với đường Đ.D05) huyện Thanh Liêm	1,16	TT Tân Thanh	Nghị quyết 23/NQ-HĐND ngày 27/09/2022 của HĐND huyện Thanh Liêm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
28	Đầu tư dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường khu vực và chỉnh trang các tuyến đường hiện trạng thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm	1,22	TT Tân Thanh	Nghị quyết 24/NQ-HĐND ngày 27/09/2022 của HĐND huyện Thanh Liêm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
29	Đầu tư xây dựng tuyến đường trục vành đai kinh tế T4 (đoạn từ ĐT.499B đến ĐT.495B), huyện Thanh Liêm	34,80	TT Tân Thanh, Thanh Tâm, Thanh Hương	Nghị quyết 40/NQ-HĐND ngày 04/11/2022 của HĐND huyện Thanh Liêm phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
30	Dự án đầu tư xây dựng bãi đỗ xe tại xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm	3,01	Liêm Sơn	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư số 13/NQ-HĐND ngày 15/5/2023 của HĐND huyện Thanh Liêm; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND huyện Thanh Liêm điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023
31	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối từ đường ĐT.495B đến đường ĐH.05 (theo quy hoạch vùng huyện), huyện Thanh Liêm	2,26	Liêm Sơn	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư số 14/NQ-HĐND ngày 15/5/2023 của HĐND huyện Thanh Liêm; Nghị quyết về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư số 23/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND huyện Thanh Liêm; Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của HĐND huyện Thanh Liêm điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2023

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
32	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối đường ĐT.495B với đường ĐH.15 (theo quy hoạch vùng huyện) và Khu công nghiệp Thanh Bình II , huyện Thanh Liêm	11,69	Xã Thanh Tâm, xã Thanh Nguyên	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Thanh Liêm về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết số 07/NQ-HĐND ngày 11/01/2024 của HĐND huyện Thanh Liêm về việc Điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 11/01/2024 của HĐND huyện Thanh Liêm điều chỉnh KH đầu tư công năm 2024.
33	Đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối Khu công nghiệp Thanh Bình II với QL1, huyện Thanh Liêm	1,06	Xã Thanh Hải và xã Thanh Nguyên	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư số 35/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Thanh Liêm; Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 11/01/2024 của HĐND huyện Thanh Liêm điều chỉnh KH đầu tư công năm 2024
34	Đầu tư xây dựng tuyến đường DN2, PK2 và một phần tuyến PK-5, PK-1A, PK-1B thuộc Khu trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm theo hình thức đối tác công tư(PPP), hợp đồng xây dựng-chuyển giao(BT)	0,33	Thị trấn Tân Thanh	Quyết định số 2987/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 phê duyệt BC NCKT, Quyết định số 1985/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 về điều chỉnh diện tích thực hiện dự án; Văn bản số: 137/UBND-GTXD ngày 26/ 01/2024 của UBND tỉnh Hà Nam V/v điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án .
35	Đầu tư xây dựng tuyến đường chuyên dùng vận chuyển nguyên liệu từ tỉnh Hòa Bình về địa bàn xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm	4,93	Thanh Thủy	Văn bản số 491/UBND-GTXD ngày 01/03/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về chủ trương nghiên cứu dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
36	Dự án đầu tư xây dựng bãi chứa, bãi chế biến nguyên liệu, thành phẩm, tuyến đường dùng chung và tuyến băng tải vận chuyển nguyên liệu từ Thung Dục về nhà máy xi măng Thành Thắng	32,37		Quyết định 1351/QĐ-UBND ngày 17/7/2019 về chủ trương điều chỉnh dự án; Quyết định 1220/QĐ-UBND ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh về chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư dự án
-	Công trình, hạng mục tuyến đường chuyên dùng	24,99	Thanh Nghị, Thanh Thủy, Thanh Tân	
-	Công trình, hạng mục tuyến băng tải	7,38	Thanh Nghị	
37	Kho bãi và cảng đường sông dùng chung trên Sông Đáy	1,78	Thanh Tân	Quyết định số 1190/QĐ-UBND ngày 04/08/2017 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án
*	Đất thủy lợi			
38	Nạo vét, kiên cố hóa kênh BH8 tỉnh Hà Nam	0,53	Liên Phong	Quyết định số 2373/QĐ-UBND ngày 20/11/2020 của UBND tỉnh Phê duyệt dự án; Nghị quyết số 20/NQ-HĐND ngày 10/6/2020 của HĐND tỉnh Phê duyệt chủ trương đầu tư
39	Nâng cấp tuyến đê Tả Đáy từ K117+810 đến K129+000, tỉnh Hà Nam thuộc dự án tu bổ xung yếu hệ thống đê điều giai đoạn 2021-2025	1,64	Kiên Khê, Thanh Nghị, Thanh Tân, Thanh Thủy	Văn bản số 144/UBND-KT ngày 17/01/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc bố trí vốn ngân sách địa phương thực hiện GPMB công trình; Quyết định số 3097/QĐ-BNN-KH ngày 16/8/2022 của Bộ NN&PTNT về điều chỉnh chủ trương đầu tư, Quyết định số 3242/QĐ-BNN-

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
				PCTT ngày 25/08/2022 của Bộ NN&PTNT về PD dự án thành thành phần số 12
40	Đầu tư xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung và hệ thống thoát nước thải thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm	1,98	TT Tân Thanh	Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 27/09/2022 của HĐND huyện Thanh Liêm
*	Đất năng lượng			
41	Hoàn thiện, nâng cao năng lực mạch vòng trung áp trên địa bàn tỉnh Hà Nam năm 2022	0,03	Liêm Phong, Thanh Hà, Thanh Thủy, Liêm Sơn	Quyết định số 1995/QĐ-PCHN ngày 28/10/2022 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt BCKTKT Quyết định số 1799/QĐ-PCHN ngày 31/08/2023 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt điều chỉnh BCKTKT
42	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2021	0,05	Tân Thanh, Thanh Nguyên, Kiện Khê, Thanh Hà, Thanh Thủy, Liêm Phong, Thanh Hải, Liêm Sơn, Thanh Nghị	Quyết định số 2941/QĐ-PCHN ngày 23/12/2020 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt BCKTKT Quyết định số 1819/QĐ-PCHN ngày 31/08/2023 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt điều chỉnh BCKTKT

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
43	Cải tạo ĐZ 35kV lộ 371E24.8, 374E24.8 và nhánh rẽ Tây Hải lộ 377E24.8 Điện lực Thanh Liêm năm 2019	0,04	Thanh Hải, Thanh Nghị	Quyết định số 173/QĐ-PCHN ngày 28/01/2019 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt BCKTKT Quyết định số 1822/QĐ-PCHN ngày 31/8/2023 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt điều chỉnh BCKTKT
44	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2020	0,04	Thanh Tâm, Liêm Sơn, Liêm Túc, Thanh Tân, Kiện Khê, Thanh Nghị, Thanh Hải, Thanh Hà, Liêm Phong	Quyết định số 2285/QĐ-PCHN ngày 02/11/2019 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt BCKTKT Quyết định số 1839/QĐ-PCHN ngày 31/08/2023 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt điều chỉnh BCKTKT
45	Cải tạo ĐZ trung thế từ cột 123 đến cột 136 lộ 475 E3.2 và các nhánh rẽ - Điện lực Thanh Liêm	0,03	Thanh Tân, Thanh Thủy, Kiện Khê, Thanh Hà	Quyết định số 2369/QĐ-PCHN ngày 11/11/2019 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt BCKTKT Quyết định số 1813/QĐ-PCHN ngày 31/08/2023 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt điều chỉnh BCKTKT
46	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện và nâng cao chất lượng điện áp tại các khu vực có điện áp thấp thuộc huyện Kim Bảng và huyện Thanh Liêm - năm 2021	0,03	Thanh Hà, Thanh Hương, Thanh Nguyên, Liêm Cần	Quyết định số 2906/QĐ-PCHN ngày 22/12/2020 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt BCKTKT Quyết định số 1801/QĐ-PCHN ngày 31/08/2023 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt điều chỉnh BCKTKT

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
47	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2022	0,03	Kiên Khê, Thanh Hà, Thanh Nghị, Thanh Tâm, Liêm Cần, Liêm Túc, Liêm Phong	Quyết định số 3020/QĐ-PCHN ngày 03/12/2021 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt BCKTKT Quyết định số 1823/QĐ-PCHN ngày 31/08/2023 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt điều chỉnh BCKTKT
48	Xây dựng 01 xuất tuyến 35kV sau TBA 110kV Kiên Khê để san tải cho lộ 373 E24.8 và kết nối mạch vòng với lộ 374 E24.11 TBA 110kV Châu Sơn - huyện Thanh Liêm	0,05	Thanh Thủy, Thanh Phong	Quyết định số 3100/QĐ-PCHN ngày 10/12/2021 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt BCKTKT Quyết định số 1844/QĐ-PCHN ngày 05/09/2023 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt điều chỉnh BCKTKT
49	Xây dựng xuất tuyến 22kV sau TBA 110kV Kiên Khê để san tải cho lộ 475E3.2 và kết nối mạch vòng với lộ 473E24.8 huyện Thanh Liêm	0,04	Kiên Khê, Thanh Thủy, Thanh Hương, Thanh Tân	Quyết định số 3103/QĐ-PCHN ngày 10/12/2021 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt BCKTKT Quyết định số 1840/QĐ-PCHN ngày 31/08/2023 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt điều chỉnh BCKTKT
50	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2023	0,06	Liêm Cần, Liêm Thuận, Thanh Phong, Thanh Hải, Thanh Nguyên, Thanh Tâm, Thanh Tân, Thanh Thủy	Quyết định số 18/QĐ-PCHN ngày 06/01/2023 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt BCKTKT Quyết định số 1837/QĐ-PCHN ngày 31/08/2023 của Công ty Điện lực Hà Nam phê duyệt điều chỉnh BCKTKT

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
51	Chống quá tải, giảm bán kính cấp điện cho các xã thuộc huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam - năm 2024	0,10	Liêm Sơn, Thanh Nguyên, Thanh Hà, Thanh Hải, Thanh Hương, Thanh Tân, Kiện Khê, Tân Thanh	Quyết định số 2098/QĐ-UBND ngày 11/10/2023 của Công ty điện lực Hà Nam PD báo cáo KTKT
*	Đất ở			
52	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Phong, Thanh Hà	2,61	Thanh Hà, Thanh Phong	Văn bản số 2765/UBND-GTXD ngày 13/10/2021 của UBND tỉnh chấp thuận quy mô dự án, Quyết định số 3248/QĐ-UBND ngày 10/09/2021 của UBND huyện Thanh Liêm về phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500, Quyết định số 264/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của UBND huyện Thanh Liêm phê duyệt dự án
53	Khu dân cư nông thôn mới tại xã Thanh Phong (TL-ĐT01.21)	11,44	Thanh Phong	Văn bản số 191/ UBND-GTXD ngày 22/01/2021 của UBND tỉnh về chủ trương lập quy hoạch và đề xuất dự án, 252-TB/TU ngày 22/12/2021 của Tỉnh Ủy Hà Nam, Quyết định số 2380/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Nam về phê duyệt Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Quyết định số 1440/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 của UBND tỉnh về chấp thuận chủ trương đầu tư dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
54	Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới Liêm Tiết - Liêm Cần thuộc quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 khu vực giáp ranh xã Liêm Tiết, thành phố Phủ Lý và xã Liêm Cần, huyện Thanh Liêm (PL-ĐT.05.22-2)	34,60	Liêm Cần	Văn bản số 393/UBND-GTXD ngày 17/02/2022 của UBND tỉnh về chủ trương lập đề xuất dự án, 2067/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh phê duyệt QH chi tiết tỷ lệ 1/500; QĐ số 2352/QĐ-UBND ngày 21/12/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
55	Khu dân cư nông thôn mới tại xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT04.21)	9,16	Thanh Phong	Văn bản số 1479/UBND-GTXD ngày 17/6/2021 của UBND tỉnh về chủ trương lập quy hoạch và đề xuất dự án, Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; QĐ số 2276/QĐ-UBND ngày 09/12/2022 của UBND tỉnh về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
56	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu nhà ở tại xã Liêm Thuận, huyện Thanh Liêm	0,38	Liêm Thuận	Quyết định số 2175/QĐ-UBND ngày 26/11/2018 của UBND tỉnh phê duyệt dự án; Quyết định số 296/QĐ-UBND ngày 17/02/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh quy hoạch chi tiết, Quyết định số 2023/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của UBND tỉnh điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án; Văn bản số 2254/UBND-GTXD ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Hà Nam về việc điều chỉnh tiến độ dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
57	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hương, huyện Thanh Liêm	0,41	Thanh Hương	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư số 47/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện Thanh Liêm; QĐPD dự án số 263/QĐ-UBND ngày 15/02/2022 của UBND huyện Thanh Liêm Quyết định số 3784/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND huyện Thanh Liêm về việc gia hạn thời gian thực hiện dự án; Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 11/01/2024 của HĐND huyện Thanh Liêm điều chỉnh KH đầu tư công năm 2024
58	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm	4,92	Thanh Hà	Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư số 47/NQ-HĐND ngày 16/12/2020 của HĐND huyện Thanh Liêm; Quyết định phê duyệt dự án số 1146/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh Hà Nam; Quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện dự án số 3368/QĐ-UBND ngày 29/11/2022 của UBND huyện Thanh Liêm; Quyết định điều chỉnh thời gian thực hiện dự án số 3783/QĐ-UBND ngày 27/11/2023 của UBND huyện Thanh Liêm; Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 11/01/2024 của HĐND huyện Thanh Liêm điều chỉnh KH đầu tư công năm 2024
59	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại xã Thanh Hà (lô OM-24), huyện Thanh Liêm	3,95	Thanh Hà	Thông báo số 2607/TB-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh; Quyết định phê duyệt quy hoạch 1/500 số 1502/QĐ-UBND ngày 28/6/2023 của UBND huyện Thanh Liêm; Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư số 33/NQ-HĐND ngày 14/12/2023 của HĐND huyện Thanh Liêm; Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 11/01/2024 của HĐND huyện Thanh Liêm điều chỉnh KH đầu tư công năm 2024

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
60	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm	5,16	Thanh Hà	<p>QĐ số 323/QĐ-UBND ngày 24/02/2021 của UBND tỉnh Hà Nam V/v chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm.</p> <p>Quyết định 1379/QĐ-UBND ngày 29/7/2021 của UBND tỉnh Hà Nam V/v chấp thuận nhà đầu tư dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư xã Thanh Hà, huyện Thanh Liêm. Văn bản số 500/UBND - GTXD ngày 27/3/2024 của UBND tỉnh Hà Nam V/v điều chỉnh tiến độ thực hiện dự án.</p>
61	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư và dịch vụ thương mại tại xã Liêm Sơn, huyện Thanh Liêm	3,76	Liêm Sơn	<p>Văn bản số 378/UBND-GTXD ngày 07/3/2024 của UBND tỉnh Hà Nam chủ trương lập QHCT xây dựng tỷ lệ 1/500 và đề xuất dự án; Văn bản 2070-TB/VPTU ngày 27/02/2024 thông báo ý kiến của Thường trực TU về một số nội dung Ban cán sự đảng của UBND tỉnh báo cáo, xin ý kiến</p>

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
62	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới Đông Phố Cà thuộc quy hoạch phân khu đơn vị ở số 3, đơn vị số 5 quy hoạch chung đô thị Phố Cà, huyện Thanh Liêm	8,00	Xã Thanh Nguyên	Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/200 tại đơn vị số 3, đơn vị số 5 theo quy hoạch chung đô thị Phố Cà; Thông báo số 628-TB/TU ngày 28/02/2023 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Hà Nam về quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 tại đơn vị số 3, đơn vị số 5 theo quy hoạch chung đô thị Phố Cà; Văn bản số 533/UBND-GTXD ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh Hà Nam v/v chủ trương nghiên cứu lập quy hoạch phân khu và đề xuất dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới;
63	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư mới Tây Phố Cà thuộc quy hoạch phân khu đơn vị ở số 3, đơn vị ở số 5 quy hoạch chung đô thị Phố Cà, huyện Thanh Liêm	9,00	Xã Thanh Nguyên	Quyết định số 1225/QĐ-UBND ngày 10/6/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/200 tại đơn vị số 3, đơn vị số 5 theo quy hoạch chung đô thị Phố Cà; Thông báo số 628-TB/TU ngày 28/02/2023 của Ban thường vụ Tỉnh ủy Hà Nam về quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2000 tại đơn vị số 3, đơn vị số 5 theo quy hoạch chung đô thị Phố Cà; Văn bản số 533/UBND-GTXD ngày 03/3/2022 của UBND tỉnh Hà Nam v/v chủ trương nghiên cứu lập quy hoạch phân khu và đề xuất dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới;

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
64	Dự án đầu tư xây dựng Khu dân cư nông thôn mới tại lô OM-28, OM-29 theo quy hoạch chung xây dựng xã Thanh Phong, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT.22)	9,80	Xã Thanh Phong	Văn bản số 954/UBND-GTXD ngày 08/4/2022 v/v chủ trương nghiên cứu lập Quy hoạch chi tiết; Quyết định số 479/QĐ-UBND ngày 25/3/2024 của UBND huyện Thanh Liêm về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư nông thôn mới lô OM-28, OM-29;
65	Dự án đầu tư xây dựng khu dân cư nông thôn mới tại thôn Kênh, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm	3,00	Xã Thanh Nghị	Báo cáo số 131/BC-UBND ngày 21/3/2024 của UBND huyện Thanh Liêm v/v xin chủ trương vị trí xây dựng Khu tái định cư các dự án trên địa bàn xã Thanh Nghị; Lập Quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 và đề xuất dự án đầu tư xây dựng khu dân cư nông thôn mới; Thông báo 370-TB/VPFU ngày 21/3/2024 của Thường trực Huyện ủy
66	Khu dân cư nông thôn Gừa Sông tại xã Liêm Thuận	3,50	Liêm Thuận	Văn bản số 2763/UBND-GTXD ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chủ trương chủ trương nghiên cứu, lập 11 đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/500, tổng mặt bằng và nghiên cứu lập đề xuất chủ trương đầu tư 20 Dự án Khu nhà ở, khu dân cư nông thôn kết hợp chỉnh trang đô thị và 02 Dự án thương mại dịch vụ trên địa bàn tỉnh

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
67	Khu dân cư nông thôn tại xã Thanh Nguyên	1,33	Thanh Nguyên	Văn bản số 2763/UBND-GTXD ngày 14/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Chủ trương chủ trương nghiên cứu, lập 11 đồ án quy hoạch tỷ lệ 1/500, tổng mặt bằng và nghiên cứu lập đề xuất chủ trương đầu tư 20 Dự án Khu nhà ở, khu dân cư nông thôn kết hợp chỉnh trang đô thị và 02 Dự án thương mại dịch vụ trên địa bàn tỉnh
68	Khu đô thị Hưng Hòa	22,17	Thanh Phong	Quyết định số 1980/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh; VB số 1919/UBND-GTXD ngày 30 tháng 6 năm 2020 về việc điều chỉnh thời gian và bổ sung thời hạn hoạt động chấp thuận điều chỉnh Dự án đầu tư; Văn bản số 40/UBND-GTXD ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh chấp thuận điều chỉnh chủ trương thực hiện dự án; Quyết định số 491/QĐ-UBND ngày 23/03/2021 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết 1/500
69	Khu tái định cư phục vụ các dự án tại thị trấn Tân Thanh và một số xã lân cận	3,07	TT Tân Thanh	Quyết định số 2935/QĐ-UBND ngày 27/09/2022 của UBND huyện Thanh Liêm PD Quy hoạch chi tiết 1/500; Văn bản số 2868/UBND-GTXD ngày 26/10/2022 về việc chấp thuận quy mô; Nghị quyết số 43/NQ/UBND ngày 07/11/2022 của HĐND huyện Thanh Liêm về PD CTĐT dự án; QĐ 716/QĐ-UBND ngày 19/04/2023 của UBND huyện Thanh Liêm phê duyệt dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
70	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị thuộc khu trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm - Vị trí 1	0,61	TT Tân Thanh	Quyết định số 1133/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
71	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị thuộc khu trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm - Vị trí 2	13,63	TT Tân Thanh	Quyết định số 1134/QĐ-UBND ngày 07/7/2021 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư dự án
72	Đầu tư xây dựng khu nhà ở đô thị tại thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT09.22)	16,43	TT Tân Thanh	Văn bản 3857/UBND-GTXD ngày 19/12/2019, Quyết định số 599/QĐ-UBND ngày 14/04/2021 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ tỷ lệ 1/500; Quyết định số 1389/QĐ-UBND ngày 15/07/2022 của UBND tỉnh Hà Nam chấp thuận nhà đầu tư
73	Đầu tư xây dựng Khu đô thị mới tại thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm (TL-ĐT06.21)	16,08	TT Tân Thanh	Văn bản số 2231/UBND-GTXD 24/8/2021 về đề xuất chủ trương đầu tư, quyết định số 2422/QĐ-UBND ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh phê duyệt QH chi tiết tỷ lệ 1/500; Quyết định số 2363/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Hà Nam chấp thuận CTĐT; Quyết định số 1254/QĐ-UBND ngày 16/06/2022 của UBND tỉnh Hà Nam chấp thuận nhà đầu tư

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
74	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Thanh (lô BT4, lô BT12 theo quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm)	4,72	TT Tân Thanh	Văn bản 1381/UBND-GTXD ngày 30/05/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về chấp thuận địa điểm; Quyết định số 3301/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện Thanh Liêm về PD Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư số 44/NQ-HĐND ngày 02/12/2022, Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 29/03/2023 của UBND huyện Thanh Liêm Phê duyệt dự án
75	Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Thanh (lô HH16 theo quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm), huyện Thanh Liêm	4,70	TT Tân Thanh	Văn bản 1381/UBND-GTXD ngày 30/05/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về chấp thuận địa điểm; Quyết định số 3288/QĐ-UBND ngày 04/11/2022 của UBND huyện Thanh Liêm về PD Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500, Văn bản 3225/UBND-GTXD ngày 28/11/2022 về chấp thuận quy mô dự án đầu tư, Nghị quyết số 45/NQ-HĐND huyện ngày 02/12/2022 của HĐND huyện phê duyệt chủ trương đầu tư; Quyết định số 501/QĐ-UBND ngày 29/03/2023 của UBND huyện Thanh Liêm Phê duyệt dự án
76	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Thanh (lô NV4, lô NV7 theo quy hoạch chung xây dựng đô thị huyện lỵ Thanh Liêm), huyện Thanh Liêm	9,14	TT Tân Thanh	Văn bản 1381/UBND-GTXD ngày 30/05/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về chấp thuận địa điểm; Quyết định số 3302/QĐ-UBND ngày 09/11/2022 của UBND huyện Thanh Liêm về PD Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500; Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư số 46/NQ-HĐND ngày 02/12/2022; Quyết định số 502/QĐ-UBND ngày 29/03/2023 của UBND huyện Thanh Liêm về Phê duyệt dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
77	Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Tân Thanh (lô NV-10), huyện Thanh Liêm	4,16	TT Tân Thanh	Thông báo số 2607/TB-UBND ngày 28/9/2022 của UBND tỉnh; Quyết định phê duyệt quy hoạch số 2556/QĐ-UBND ngày 23/8/2023; Nghị quyết phê duyệt chủ trương đầu tư số 06/NQ-HĐND ngày 11/01/2024; Nghị quyết 05/NQ-HĐND ngày 11/01/2024 của HĐND huyện Thanh Liêm điều chỉnh KH đầu tư công năm 2024
78	Dự án chỉnh trang đô thị kết hợp xây dựng khu nhà ở tại thị trấn Tân Thanh	4,30	TT Tân Thanh	Văn bản số 2762/UBND-GTXD ngày 14/10/2020 của UBND tỉnh về chấm dứt thực hiện dự án đầu tư xây dựng HTKT khu đấu giá Tân Thanh; chấp thuận chủ trương nghiên cứu lập QH 1-500 và NC đề xuất CTĐT Khu nhà ở kết hợp chỉnh trang đô thị tại TT Tân Thanh
*	Đất cơ sở giáo dục đào tạo			
79	Dự án xây dựng trường mầm non thôn Kênh-Đại Bái, xã Thanh Nghị, huyện Thanh Liêm	0,46	Thanh Nghị	Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND xã PD điều chỉnh chủ trương ĐT
*	Đất cơ sở văn hóa			
82	Đầu tư xây dựng Quảng trường tại khu trung tâm hành chính huyện Thanh Liêm	0,33	TT Tân Thanh	Nghị quyết phê duyệt CTĐT số 33/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND huyện Thanh Liêm; Nghị quyết số 06/NQ-HĐND ngày 23/05/2022 của UBND huyện về bố trí vốn; Quyết định số 3485/QĐ-UBND ngày 14/12/2022 của UBND huyện Thanh Liêm về phê duyệt BCKTKT

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
*	Đất thương mại dịch vụ			
81	Dự án đầu tư xây dựng khu thương mại xuất nhập khẩu chè	1,37	Liên Phong	QĐ số 505/QĐ-UBND ngày 25/03/2021 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư
82	Dự án đầu tư khu Kinh doanh vật liệu xây dựng	0,39	TT Tân Thanh	QĐ số 403/QĐ-UBND ngày 27/02/2020 của UBND tỉnh về CTĐT dự án
83	Khu Thương mại dịch vụ SES 68	0,44	Thanh Hà	Văn bản số 522/UBND-NV ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Hà Nam nghiên cứu đầu tư dự án
84	Khu thương mại dịch vụ Windham (Lô LP2-NO02)	3,25	Liên Phong	Văn bản 1930/UBND-GTXD ngày 01/07/2020 của UBND nhân dân tỉnh Hà Nam về việc chấp thuận chủ trương nghiên cứu đề xuất dự án
85	Khu thương mại dịch vụ Windham (Lô LP1-HH4)	2,65	Liên Phong	Văn bản 1930/UBND-GTXD ngày 01/07/2020 của UBND nhân dân tỉnh Hà Nam về việc chấp thuận chủ trương nghiên cứu đề xuất dự án
86	Khu thương mại dịch vụ, sơ chế, đóng gói kinh doanh các sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao	2,21	Liên Phong	Văn bản số 3393/UBND -NN&TNMT ngày 13/11/2019 của UBND tỉnh về nghiên cứu đề xuất dự án
*	Đất sản xuất kinh doanh			
87	Dự án Đầu tư xây dựng xưởng cơ khí tại xã Thanh Tân	0,71	Thanh Tân	Quyết định số 1744/QĐ-UBND ngày 31/08/2020 của UBND tỉnh phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
88	Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất túi xách xuất khẩu dùng trong siêu thị tại thị trấn Kiện Khê, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Liêm	9,50	TT Kiện Khê	Văn bản số 2891/UBND-KT ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về nghiên cứu khảo sát, đề xuất dự án Văn bản 2060/UBND-NNTNMT ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận cho công ty Cổ phần Casla được nhận chuyển nhượng
89	Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất đá thạch anh nhân tạo cao cấp tại thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm	9,80	TT Kiện Khê	Văn bản số 2892/UBND-KT ngày 27/10/2022 của UBND tỉnh Hà Nam về nghiên cứu khảo sát, đề xuất dự án Văn bản số 2061/UBND-NNTNMT ngày 23/10/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận cho công ty TNHH vận tải thương mại Mạnh Minh nhận chuyển nhượng
*	Đất sản xuất Vật liệu xây dựng			
90	Xây dựng nhà máy chế tác các sản phẩm đá thạch anh nhân tạo cao cấp	3,07	TT Kiện Khê	QĐ số 1726/QĐ-UBND ngày 30/10/2016 của UBND tỉnh về CTĐT dự án; QĐ số 2194/QĐ-UBND ngày 20/12/2021 của UBND tỉnh về điều chỉnh CTĐT
91	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bột đá - Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Phú Tài	0,41	TT Kiện Khê	Quyết định 2270/QĐ-UBND ngày 06/12/2018 của UBND tỉnh về CTĐT dự án
92	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bột đá, vôi bột và vật liệu xây dựng - Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Mạnh Linh	0,50	TT Kiện Khê	Quyết định 1493/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 của UBND tỉnh về CTĐT dự án
93	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bột đá, vôi bột và vật liệu	0,40	TT Kiện Khê	Quyết định 1492/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 của UBND tỉnh về CTĐT dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
	xây dựng - Công ty TNHH Văn Hoa			
94	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bột đá, vôi bột và vật liệu xây dựng - Công ty TNHH Mạnh Cường	0,80	TT Kiện Khê	Quyết định 1490/QĐ-UBND ngày 17/08/2018 của UBND tỉnh về CTĐT dự án
95	Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất bột đá, vôi bột và vật liệu xây dựng - Công ty TNHH Long Quy	0,80	TT Kiện Khê	Quyết định 1703/QĐ-UBND ngày 21/09/2018 của UBND tỉnh về CTĐT dự án
96	Nhà máy sản xuất vôi công nghiệp Xuân Thành	21,48	Thanh Nghị	Quyết định 1938/QĐ-UBND ngày 28/09/2020 của UBND tỉnh phê duyệt quy hoạch chi tiết; VB số 2597/UBND-GTXD ngày 26/08/2020 của UBND tỉnh về CTĐT
97	Đầu tư xây dựng bãi chế biến vật liệu xây dựng	2,45	TT Kiện Khê	Quyết định 380/QĐ-UBND ngày 04/03/2019 của UBND tỉnh Hà Nam về chủ trương đầu tư dự án
*	Đất khoáng sản			
98	Mỏ khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng Công ty Thông Đạt	8,48	TT Kiện Khê	Quyết định số 2630/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của UBND tỉnh điều chỉnh một số nội dung GPKT
99	Mỏ lộ thiên khai thác đá vôi làm vật liệu xây dựng (Hạng mục phụ trợ phục vụ khai thác mỏ)	1,85	Thanh Thủy	QĐ số 548/QĐ-UBND ngày 19/03/2020 của UBND tỉnh QĐ chủ trương đầu tư dự án

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
100	Khai thác đất san lấp tại mỏ đồi cửa Rừng - Công ty Xuân Trường	6,54	Thanh Nghị	VB số 1775/STN&MT ngày 29/08/2022 về Thông báo hoàn thành hồ sơ thuê đất QĐ 1882/QĐ-UBND ngày 18/10/2018 của UBND tỉnh Hà Nam về điều chỉnh GP
101	Mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại khu vực T12, T14, T17, T18 xã Thanh Thủy (khu 1) và khu vực T21, T22 các xã Thanh Tân, Thanh Thủy (khu 2) huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	71,39	Các xã, thị trấn: Tân Thanh, Thanh Thủy	Giấy phép số 210/GP-BTNMT ngày 04/11/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Thông báo 2070-TB/VPTU ngày 27/02/2024 ý kiến của trường trực tỉnh ủy; Văn bản số 396/UBND-GTXD ngày 11/3/2024 của UBND tỉnh Hà Nam V/v nghiên cứu đề xuất dự án
102	Đầu tư xây dựng dây chuyền số 4 và số 5 Nhà máy Xi măng Thành Thắng	9,53	Thanh Nghị	Quyết định số 1062/QĐ-UBND ngày 04/6/2020 của UBND tỉnh về chủ trương đầu tư dự án, Quyết định số 1666/QĐ-UBND ngày 20/9/2021 của UBND tỉnh về điều chỉnh chủ trương dự án
103	Mỏ sét làm nguyên liệu xi măng tại khu vực T51, T52 núi Nghè, thị trấn Tân Thanh, huyện Thanh Liêm	20,17	Liêm Sơn, Tân Thanh	Giấy phép thăm dò số 237/GP-BTNMT ngày 09/12/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 1069/QĐ-UBND ngày 18/09/2023 của UBND tỉnh về việc chấp thuận CTĐT đồng thời chấp thuận nhà đầu tư
104	Mỏ đá vôi và Đolômit làm nguyên liệu sản xuất đá vôi và Đolômit nung công nghiệp	53,07	Thanh Thủy	Giấy phép số 119/GP-BTNMT ngày 03/7/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
105	Mỏ đá vôi làm nguyên liệu sản xuất xi măng tại khu vực T12, T14, T17, T18 xã Thanh Thủy (khu 1) và khu vực T21, T22 các xã Thanh Tân, Thanh Thủy (khu 2) huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	90,84	Thanh Thủy, Thanh Tân	Giấy phép số 210/GP-BTNMT ngày 04/11/2020 của Bộ Tài nguyên và Môi trường
*	Đất tôn giáo			
106	Trung tâm tổ chức Hội nghị Sở Kiện tại thị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm	1,77	TT Kiện Khê	Thông báo số 250/TB-VPCP ngày 02/6/2017 của Văn phòng Chính phủ; Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 25/7/2017 của UBND tỉnh
*	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở			
107	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Thanh Hà (98 trường hợp)	1,53		
108	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Thanh Tâm (52 trường hợp)	0,88		
109	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Liêm Túc (15 trường hợp)	0,22		
110	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Thanh Tân (55 trường hợp)	0,91		

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
111	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Thanh Hải (54 trường hợp)	0,93		
112	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Liêm Thuận (62 trường hợp)	1,03		
113	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Liêm Phong (26 trường hợp)	0,40		
114	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Liêm Sơn (47 trường hợp)	0,70		
115	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Liêm Cần (103 trường hợp)	1,10		
116	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Thanh Hương (52 trường hợp)	0,97		
117	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Thanh Nguyên (29 trường hợp)	0,50		
118	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Thanh Nguyên (27 trường hợp)	0,47		
119	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Thanh Phong (64 trường hợp)	1,19		

STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Địa điểm	Ghi chú
120	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở xã Thanh Thủy (28 trường hợp)	0,42		
121	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở TT Kiện Khê (31 trường hợp)	0,44		
122	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở TT Tân Thanh (53 trường hợp)	0,86		
*	Chuyển mục đích sử dụng sang đất tôn giáo			
123	Chùa Khánh Long - Thanh Phong	0,04	Thanh Phong	
124	Chùa Vỹ Cầu - Liêm Túc	0,05	Liên Túc	

Trên đây là báo cáo Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và kế hoạch sử dụng đất năm đầu của Điều chỉnh quy hoạch huyện Thanh Liêm./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM**